# TRI TÂN

## TẠP CHÍ VĂN HOÁ

### RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
*Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi*

**TRONG SỐ NÀY :**


* Trở lại vấn-đề « quyền tác-giả » — *Hoa-Bằng*
* Tùy hứng — *Bà Mộng-Sơn — Lý-Quốc*
* Phê-bình « Nguyễn-Du và truyện Kiều » — *Ứng-Hòe*
* Vết tích thành Đại-la (Hết) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Cách ứng-dụng cái phương-pháp kia (II) — *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Nói chuyện Triết-lý — *Nguyễn-đình-Thi*
* Bá-đa-Lộc và Hoàng-tử Cảnh (Hết) — *Nguyễn Triệu*
* Vấn đề dịch sách (I) — *Đỗ-Thúc*
* Vài cảm-tưởng sau khi đọc cuốn « Bịnh ho lao » — *Phạm-mạnh-Phan*
* Hoa-tiên-truyện (Hết) — *Đào-duy-Anh*
* Tình trạng nền học xưa... (IV) — *Nhật-Nham*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XI) — *Nguyễn-huy-Tưởng*


Năm thứ ba — Số 88
Thứ năm, 25 Mars 1943

0$20

## TRỞ LẠI VẤN-ĐỀ « QUYỀN TÁC-GIẢ »

# SAO LẠI THẾ ĐƯỢC ?

HOA-BẰNG

TRÊN tờ Tri-Tân này, bạn Lê-Thanh đã có đôi lần (1) lên tiếng than-phiền về nỗi quyền-lợi của các nhà văn ở đây bị người ta rẻ-rúng và giẫy-đạp một cách quá tệ ; nhưng đó mới chỉ là chú trọng về những cái có hại đến quyền sinh-sống của những nhà cầm bút thôi. Nay tôi riêng nói về phần tinh-thần, những cái có hại đến thanh-danh của tác-giả một cuốn sách hoặc một bài văn thơ.

***

Mới đây, tôi có nhận được một cuốn sách thuộc loại phê-bình văn-học do một bạn trong Nam gửi tặng. Đồng thời bạn lại gửi tiếp ra học tôi một bản đính-chính những chỗ in sai trong sách. Nếu chỉ vậy thôi, thì nào có gì đáng nói !

Đáng nói là, trong bản đính-chính ấy, tác-giả có những lời thanh-minh khiến tôi quá đỗi ngạc nhiên : 2 giòng trang này, 3 giòng trang kia, 5 giòng trang nọ v. v... là do nhà xuất-bản *tự ý thêm vào, tác-giả không thừa nhận.*

Thế ra nhà xuất-bản trước khi, vì tư ý, muốn quảng-cáo cho những sách mình đã in, không thèm đếm-xỉa đến nghệ-thuật phê-bình, đã tự tiện thêm vào một cách [illegible]u-giếm mà không buồn hỏi ý-[illegible] tác-giả !

[illegible]ế ra nhà xuất-bản đã giẫy-xéo [illegible] quyền tác-giả, công-nhiên vượt [illegible]ạn mình mà xâm-lấn đến [illegible]ền thiêng-liêng của ngòi bút ! Sao lại thế được ?

Ở đây ta phải nhận rành : một bài báo khác hẳn một cuốn sách. Đối với các bài vở đăng báo, viên tổng-biên-tập trong tòa soạn, vì tôn-chỉ và sinh-mạng của tờ báo, có bổn-phận phải xếp-đặt cho các bài vở được nhất-trí về mặt tinh-thần ; nên chi, tùy từng trường-hợp, nếu cần, phải quyền-nghi làm cho nhanh chóng, cho được việc, rất có thể sửa chữa sơ qua cho thích-đáng và hợp nghi. Miễn là viên tổng-biên-tập ấy chỉ biết thờ-phụng cái tôn-chỉ chính-đại quang-minh của tờ báo, gác bỏ cái bản-ngã ra ngoài.

In sách là một chuyện khác. Vì sách là vật vĩnh-viễn, tác-giả nó phải chịu hoàn-toàn trách-nhậm trước pháp-luật, trước dư-luận hiện tại và nghìn thu.

Nhiều nhà xuất-bản chưa hiểu rõ quyền hạn của đôi bên : mình và tác-giả, nên trong giới xuất bản cận-đại đã xảy lắm chuyện không đẹp đẽ gì :

Ông A bỏ tiền ra in một cuốn truyện, ngang nhiên đúng tên « làm chung » với ông B., nhưng kỳ thực ông A không có một chữ nào vào quyển sách ấy.

Ông Giáp muốn tỏ ra « ta đây » chẳng những có tiền xuất-bản mà lại biết « viết lách » cả thảy, nên chẳng thèm hỏi ý-kiến ông Ất là tác-giả, cứ viết đại bài « đề từ » lên đầu sách, rồi rao ầm lên mặt báo rằng sách của ông Ất có bài « đề từ » của mình.

Những « giai-thoại » như thế không phải hiếm ở trong làng văn Việt-nam cận-đại !

***

Nhân bàn đến quyền về mặt tinh-thần của tác giả, tôi buộc phải « nói chuyện » cùng báo Đàn-bà, bạn đồng-nghiệp qui-mến của chúng tôi :

Nhưng trước khi nói, tôi xin thanh-minh đôi lời :

Văn-chương tư-tưởng, dẫu đối với ngoại quốc đi nữa cũng không phân-biệt quê-hương, huống chi cùng một xứ-sở, cùng hội, cùng thuyền, ai lại không mong thơ văn của mình hoặc của người thân yêu mình được truyền rộng khắp nơi, nhiều người biết đến ?

Sở dĩ nay tôi phải nói, là vì quý đồng-nghiệp đã không làm đúng thể-lệ khi trưng-dẫn thơ của người khác.

Số xuân Quí-mùi, quý đồng-nghiệp có làm một tấm tranh phụ

*Đã có bán :*

**BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC**

*của MỘC-KHUÊ giá 1 $ 35*

Hay là cuộc tiến-hóa văn-học nước nhà trong vòng ba mươi năm nay.

**Còn một ít.**

*LUẬN-TÙNG (1 $ 50) TRIẾT-HỌC EINSTEIN (2$30) TRIẾT HỌC NIETZSCHE (1 $ 95) TRIẾT HỌC KANT (1 $ 50)*

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT** đã dọn lại *29, LAMBLOT — HANOI*

bản : « Đền hai bà Trưng ». Một tờ báo đàn-bà mà vẽ « đền hai Bà » làm phụ-bản thì còn gì hay bằng ? còn gì ý-nghĩa hơn nữa ?

Dưới bức phụ-bản ấy, quý đồng-nghiệp có dẫn bốn câu thơ lại rất thích-hợp :

*Giăng tỏ gương hồ Bạc,*
*Mây tan dấu cột Đồng,*
*Nén hương lòng cô-quốc,*
*Xin khấn một lời chung.*

Nhưng chỉ tiếc rằng bạn đồng-nghiệp chúng tôi đã không nhớ đặt dấu ngoặc kép, mà lại quên đề tên tác-giả bài thơ ấy.

Một lần chẳng sao. Chúng tôi đã định bỏ qua việc đó.

Nhưng chẳng bẻ bạn đồng-nghiệp quí mến của chúng tôi lại làm lần thứ hai nữa :

Ngay trang đầu tờ *Đàn-bà* số 187, ra ngày 12 Mars 1943, quý đồng-nghiệp lại dẫn bốn câu thơ trên, nhưng cũng bỏ cả dấu ngoặc kép và không chua tên tác-giả bốn câu thơ ấy.

Sao lại thế được ?

Ở tờ phụ-bản « đền hai bà Trưng », quý đồng-nghiệp không quên đề rõ : nào « phụ bản Đàn-bà », nào tranh vẽ của họa-sĩ Nguyễn-đức-Nùng ». Thế sao đối với những câu thơ kia, quý đồng-nghiệp lại có thể không nghĩ đến quyền của tác-giả ?

Đến bài « Một cuộc thi dịch văn để kỷ-niệm ngày giỗ hai bà Trưng » ở trang nhất Đ.B. số 187, bạn cũng không quên trả « quyền tác-giả » cho *Nam sử diễn ca* bằng cách đặt những dấu ngoặc kép và chua xuất xứ khi dẫn ba câu trong *Đại Nam Quốc sử diễn ca*.

Nhưng khi dẫn bốn câu thơ nói trên, sao bạn lại vô tình hay cố ý quên đi mà không làm theo cái lệ đôi với *Nam sử diễn ca* ấy ?

***

Vậy vần thơ ấy của ai ?

Nguyên đó là bốn câu dưới trong bài thơ « Vịnh hai bà Trưng » của Cúc-Hương Hoàng-Thúc-Hội tiên-sinh từ năm 1921.

Mà bốn câu trên bài thơ ấy như vầy :

*« Ngựa Gióng đã lên không,*
*Rừng Thanh voi chửa lồng,*
*Nảy chồi hoa nụ Lạc,*
*Mở mặt nước non Hồng... »*

Nay tôi lấy tư-cách là con của tác giả bài thơ ấy và lấy danh nghĩa đồng-nghiệp mà yêu-cầu :

Xin quý đồng-nghiệp Đàn-bà viết cho mấy lời bổ-chính lên quý báo :

— Bốn câu thơ in ở tấm phụ-bản số Xuân Quí-mùi của Đàn-bà và lại dẫn ở số Đàn-bà 187 là của Cúc-Hương Hoàng-Thúc-Hội tiên-sinh.

Như vậy mới là phân minh đối với quyền [illegible] tác-giả, nhất là tác giả đã q[illegible] cố rồi.

HOA-BẰNG

1) Xem Tri Tân số 15 và 55

TÙY HỨNG

**Hiu-quạnh**

*Tiếng chim xào-xạc bên đồi,*
*Giật mình lại ngờ tiếng người dưới hoa.*
*Đường xa, rừng vắng, bóng tà,*
*Khói lên nghi-ngút thay nhà ta đâu ?*

**Tàn thu**

*Cuối rừng chim gọi nhặt thưa,*
*Hoa bông (1) bay trắng, lá chua (2) rụng vàng.*
*Chân giời thoi-thóp tà-dương,*
*Đèo mây lạnh ngắt, cầu sương vắng teo.*

**Tóc sương**

*Tóc sương thôi đã phơi màu,*
*Giăng thề còn đứng ngang đầu soi ai ?*
*Mênh-mang nước biển, mây giời,*
*Càng đi càng thấy cõi đời vắng tanh !*

Bà MỘNG-SƠN

**Việt-vương Câu-Tiễn ở Ngô**

*Lân-la đồng cỏ sớm chiều,*
*Chiếc thân ràng-buộc bao nhiêu giãi-dầu !*
*Cối-kê mòn mắt thấy đâu !*
*Cỏ non đồng lúa một màu xanh xanh.*
*« Tùng...tùng... » đồ tiếng trống thành,*
*Rõ-ràng mở mắt tưởng mình chiêm-bao.*
*Áo gai thay chiếc long-bào,*
*Mà-phu nào thấy đâu nào mộng xưa !*
*Năm gai như tỉnh, như mơ,*
*Vui tanh phải khóc, buồn dơ gượng cười !*

LÝ-QUỐC

1) Cây bông.
2) Cây chua.

# NGUYỄN-DU VÀ TRUYỆN KIỀU

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VỪA rồi, tạp-chí *Văn-mới* có ra một số đặc-biệt về văn-chương, do nhà Hàn-Thuyên phát-hành, đề là *Nguyễn-Du* và *truyện Kiều*, in khổ giấy một bề 13 phân tây, một bề 19 phân tây, được 342 trang. Tác-giả ký tên là Nguyễn-Bách-Khoa, chia quyển sách ra làm hai phần, trên có bài khái-luận nói về « tâm-sự và cá-tính... muốn hiểu cá-tính Nguyễn-Du phải làm thế nào ? ». Phần thứ nhất nói về « huyết-thống, thời-đại, thân-thế và cá-tính Nguyễn Du ». Phần thứ hai nói về truyện *Kiều*, thì chia ra « xã-hội truyện Kiều, tâm-tính các vai trò, tâm-lý và triết-lý truyện *Kiều* ». Đến bài kết-luận, tác-giả có câu : « chủ ý làm sáng một phương pháp nghiên-cứu và phê-bình văn-học » là « phương-pháp khách-quan ».

Nhưng xét ra phần nhiều theo triết-lý, chứ không phải theo khách-quan, như đoạn sau này, đại-ý *tác-giả nói* : « Nghệ-sĩ có chỗ may hơn người là được hưởng luôn luôn những sự say-xưa và phóng-túng (hai chữ say-xưa và phóng-túng ở đây, tác-giả theo nghĩa triết-lý, chứ không theo nghĩa luân-lý). Sức kích-động ấy là ở sự sáng-tạo, nó thấu đến tận tâm-hồn, làm cho nghệ-sĩ mê-man, không còn biết việc gì nữa, vì như người có mang, trong khi dở dạ, chỉ mong ăn chóng sổ, bao nhiêu những điều e-lệ ngày thường, đến lúc ấy đều bị sự đau-đớn làm mất đi hết ».

Xem như thế có phải nghiên-cứu bằng khách-quan đâu ? Khách-quan là khoa-học, phải dựa vào sự-vật ở ngoài mình mà xét đoán. Vả lại mỗi người làm văn có một lối riêng : ngày xưa các cụ thường hỏi thày hỏi bạn, sửa đổi từng chữ từng câu, theo lối văn Tàu thường phải ba lần thảo, ba lần bỏ đi, rồi mới dám khắc. Về cụ Nguyễn-Du, hiện nay chưa dựa vào đâu mà đoán được cụ có bị đầu-đề truyện *Kiều* « ám-ảnh đến mê-man » không.

Duy về dòng-dõi cụ, có thể theo phép làm sử mà khảo-cứu được, nhưng phải xét kỹ đến nguồn gốc, không nên cẩu-thả mà nhầm xét. Tác-giả quyển *Nguyễn-Du và truyện Kiều* có sao một đoạn sách *Nguyễn-Du văn họa phổ*, in nhầm tên ông tổ cụ Nguyễn-Du làm Nguyễn-Thuyên, tuy có biên là đỗ trạng-nguyên năm 1532, nhưng mấy người tính đến, thành ra dễ lẫn với Nguyễn-Thuyên đời Trần là khởi tổ văn nôm. Chính tên cụ phải đọc là Nguyễn-Thuyến, chứ không phải Nguyễn-Thuyên ; cụ « người làng Canh-hoạch, nguyên-quán làng Bạo-dương ; năm 38 tuổi đỗ trạng-nguyên khoa nhâm-thìn hiệu Đại-chính nhà Mạc (theo lịch Tây là năm 1532 ; như thế thì cụ Nguyễn-Thuyến sinh vào năm 1493). Trong hiệu Cảnh-lịch nhà Mạc (1548-1549) làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, được phong tước Thư quận-công. Vì Mạc-Phúc-Nguyên là người hôn-mê hèn-nhát, tin lời gièm-pha, nên đến năm 1550 cụ Nguyễn-Thuyến cùng với Phụng quốc-công Lê-bá-Ly làm Nam-đạo tướng, giữ thành Đông-kinh (tức Hà-nội), bỏ Mạc, dâng biểu theo Lê. Vua Lê cho giữ quan tước cũ, thăng trật thiếu-phó. Năm thứ ba hiệu Thuận-bình nhà Lê (1551), cụ Nguyễn-Thuyến 57 tuổi ; vì cụ đã quy-thuận, cho nên mưu-thần mãnh-tướng nhà Mạc kéo nhau về với triều Lê : thanh-thế nhà Lê bấy giờ càng nổi. Cụ Nguyễn-Thuyến mất năm Thiên-hựu thứ nhất đời Lê Anh-tôn (1557), thọ 63 tuổi. Con là Nguyễn-Quyện có tài và sức mạnh, lúc đầu theo cụ Nguyễn-Thuyến, về với triều Lê, được Trịnh-Kiểm yêu mến ; sau cụ Nguyễn-Thuyến mất, Nguyễn-Quyện lại về với nhà Mạc, được phong tước Thường quốc-công, đời bấy giờ khen là « chiến-tướng ». Cụ Nguyễn-Thuyến là cháu nội Nguyễn-doãn-Địch, cháu ngoại Nguyễn-bá-Ký, gọi Nguyễn-đức-Lượng bằng cậu : cậu cháu đều đỗ trạng-nguyên, cậu đỗ khoa

ĐÃ CÓ BÁN

*Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.*

**BINH HO LAO**

*những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao*
*Giá 4$00*

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

**Hànội :** *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*
**Huế :** *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
**Saigon :** *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

*Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.*

giáp-tuất 1514 ». (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 485, quyển Sơn-nam, tờ 37 b-38 a).

Đã nói về « huyết-thống » thì phải chép rõ công việc từng người một mới có thể bằng-cứ mà xét-đoán được. Đến truyện cụ Nguyễn-Nghiễm là thân-phụ cụ Nguyễn-Du, đáng lẽ, cần phải rõ-ràng, mà chép cũng thiếu ; ngay quyển *Đăng khoa lục* là quyển rất sơ-lược mà còn nói rõ được như sau này (quyển 3 trang 52 a) : « Nguyễn-Nghiễm người làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân, năm 24 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa tân-hợi 1731 (tức là sinh năm 1708), làm quan đến chức Tham-tụng, thượng-thư, đại-tư-đồ, Xuân quận-công. Về trí-sĩ, rồi lại ra làm quan, ở ngôi tướng hơn mười năm ; khi hỗ giá, đi bình Nam, phong tả-tướng-quân, được mở dinh riêng, rồi mất ; sau được phong là trung-đẳng phúc-thần. Nguyễn-Nghiễm là em Huệ, sinh ra Khản : cha con đồng triều, anh em đều được phong phúc-thần ». Còn như việc cụ Nguyễn-Nghiễm đương làm quan võ đổi sang quan văn, được coi các dinh quân đổi ra coi các giám và làm sử-quán tổng-tài trong *Đăng khoa bị khảo* chép dài lắm, sau này tôi sẽ đăng vào bài *Những ông nghè triều Lê*.

Truyện cụ Nguyễn-Khản là anh cụ Nguyễn-Du cũng dài lắm, *Đăng khoa lục* (quyển 3, tờ 61 b) chỉ chép « năm 27 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa canh-thìn 1760 ; Ưng-chế hợp cách, làm quan đến chức tả-tư-giang. Con Nguyễn-Nghiễm, chau Nguyễn Huệ : cha con cùng làm quan một triều. Bình Nam có công, đổi sang võ-chức, kiêm trấn Hưng-hóa Sơn-tây ».

Đấy là chỗ chép thiếu ; đến chỗ chép nhầm, thì như trang 49, tác-giả quyển *Nguyễn-Du* nói « Hoan Diễn tức là Thanh Nghệ bây giờ », thì không đúng với bộ *Khâm định Việt-sử thông-giám cương mục* : quyển 21, tờ 21 b, 22 b và 23 a, có chép : « Nghệ-an, đời Tùy đặt làm Hoan-châu ; đến đời Đường đặt thêm châu Diễn ; đến bản-triều đặt ra hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh. » Như thế thì Hoan Diễn là Nghệ Tĩnh, chứ không phải Thanh Nghệ.

Trang 50, tác-giả nói « Nguyễn-Huệ phá tan giặc Tôn-sĩ Nghị ở gò Đống-Đa (Hà nội) là người Nghệ-Tĩnh » cũng không đúng. Theo *Tây sơn liệt truyện* (sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 380, tờ 1 a), thì tiên-tổ Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ là người Hưng-nguyên thuộc tỉnh Nghệ-an ; nhưng ông tổ bốn đời của Nguyễn-Huệ bị chúa Nguyễn bắt khoảng năm 1653 - 1657 đem vào phía Nam ; cho ở ấp Tây-sơn, phủ Hoài-nhân, nay thuộc Bình-định). Quyển *Tây-sơn lược thuật* (sách viết của Bác-cổ số A 938, tờ 1 a) chép tiên-tổ Nguyễn-Nhạc là người huyện Nghi-xuân (Nghệ-an) ; năm 1672 - 1673 chúa Nguyễn bây giờ lấy được bảy huyện Nghệ-an, di dân vào Nam, tổ của Nhạc, Huệ cũng có trong số di-dân ấy. Cứ như thế, thì không thể gọi là người Nghệ Tĩnh được.

Trang 54, tác giả lấy ý riêng nói « Bắc-ninh là một lý tương sinh hoạt vô cùng tao nhã, vô cùng nhàn tản, vô cùng thú vị ». Như thế thì không hợp với quyển *Đại-Nam dư-địa chí* (sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 74, quyển 5, tờ 2 a) chép tỉnh Bắc ninh « núi cao sông chảy quanh co, ruộng đất béo tốt, đường xá bằng phẳng, vốn gọi là văn hiến khoa hoạn nhiều người nổi tiếng ; thượng du rừng rậm hiểm trở nhưng tập tục phần nhiều mạnh mẽ hung hăng, cũng là địa thế sui nên (nguyên văn là tập tục da dũng hãn, diệc địa thế sư nhiên). Hiện nay ở vùng hương thôn hay còn tục truyền một câu « Đất Bắc là đất nghịch » : vậy thì theo phép khách quan, không đúng với câu của tác giả quyển *Nguyễn Du và truyện Kiều*.

Những chữ trên này là mới nói năm chục trang đầu, nhưng dù có sai nhiều nữa, cũng là sai vụn vặt mà thôi. Tác-giả xem sách triết học của Pháp, lại hay bắt chước lối văn Pháp, cho nên có nhiều đoạn, chỉ những người có học chữ Pháp mới biết nghĩa. Tôi tưởng như thế cũng là một cái nhầm, vì người học chữ Tây viết quốc ngữ mà chỉ để người có học chữ Tây mới xem nổi, thì còn có ích gì cho quốc-văn ? Tuy vậy, quyển này đối với việc sưu tầm cũng có công lắm.

*Ứng-hòe* NGUYỄN VĂN TỐ

*Muốn làm giàu mua vé số*

**Đông Pháp**

**1p.00 một vé**

# VẾT TÍCH THÀNH ĐẠI LA

*Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ*

*(Bài cuối)*

KHI Trương-bá-Nghi đắp La-thành vào khoảng năm 767 và Trương-Chu đắp lại năm 808, thì sử ta và sử tàu chép kinh-đô phủ đô-hộ còn ở Giao-châu; nhưng Giao-châu bấy giờ kiêm những tám huyện trong có Tống-bình, Giao-chỉ và Long-biên, không rõ ở phủ-trị ở vào huyện nào.

Quyển *Nhất thống chí* nhà Thanh chép « huyện Tống-bình thuộc châu Giao cũ có dấu thành Liên-lũ ở phía tây huyện cách 75 dặm ». *Khâm-định Việt-sử* (quyển 4, tờ 32 a) « xét thành Liên-lũ là sở-tại quận Giao-chỉ đời Hán, thuộc làng Lũng-khê, huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh bây giờ, cách thành Hà-nội hơn 30 dặm ».

Đến La-thành của Lý-nguyên-Gia (1) đắp năm 824 trên bờ sông Tô-lịch, ở phía bắc sông Nhị-hà, thì *Khâm-định Việt-sử* chú-thích rằng: « Sông Tô-lịch ở huyện Thọ-xương, thuộc Hà-nội ». Nhưng cách một năm Lý-nguyên-Gia lại đem phủ-trị về Tống-bình.

Vậy thì năm 866 Cao-Biền đắp thành Đại-la ở đâu, ở Tống bình hay trên bờ sông Tô-lịch? Hiện nay chỉ biết Cao-Biền đắp rộng [illegible]m. trong sách chép làm được [illegible]ững 400.000 gian nhà, cho nên [illegible]ời gọi là Đại-la; còn khi Lý-[illegible]uyên-Gia đắp, thì mới gọi là [illegible]iêu-thành,

Lại xem như năm 863 quân Nam-chiếu (trên Vân-nam) đến sát thành-trì châu Giao, thì dợ Hà đóng quân ở thành cũ Tô-lịch, còn hơn hai nghìn quân chia ra đóng ở thuyền bè; cùng năm ấy dợ Mang cũng đem hai ba nghìn quân, nhưng phải đóng ở bờ sông Tô-lịch (2).

Ở Tống-bình có lẽ cũng rộng, vì khi Nam-chiếu vây phủ đô-hộ, giết được 15 vạn quân địch, còn để những 2 vạn quân Nam-chiếu giữ thành (3). Vậy khi Cao-Biền lấy lại phủ-thành, có lẽ cả phủ-thành đô-hộ và thành cũ Tô-lịch, mà sau đắp thành Đại-la, thì bao bọc cả ngoài phủ-thành châu Giao.

Quyển *Bắc thành địa dư chí* (sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số a 81, tờ 3 a-b) chép « ngoại thành Thăng-long là thành Đại-la của Cao-Biền. Ngoại-thành ấy đắp về đời Gia-long, chu-vi 7.768 tầm 2 thước 5 tấc, có 21 cửa ô, thuộc vào hai huyện Thọ-xương và Vĩnh-thuận, trong có chia ra đồn ngũ-quân, đồn thủy-quân, đồn tượng-quân tầu ngựa và trường đúc tiền ».

Xem bộ *Khâm-định Việt-sử* (quyển 5, tờ 12 b) thì hơi khác; trong ấy nói những dấu tích ở thành Hà-nội bây giờ không nên cho là của Cao-Biền cả, vì có cả dấu tích nhà Lý nữa.

Nhưng thành Thăng-long của nhà Lý rộng bao nhiêu? Sử không chép, chỉ nói trong kinh-thành có dựng cung điện, chùa Thiên-ngự và lầu Ngũ-phượng-tinh. Cứ như thế đã là rộng, có lẽ cũng ngang với nội-thành nhà Nguyễn, nhưng chưa bằng ngoại-thành được. Ngay trong sử cũng chép nhà Lý « dời kinh đô đến kinh-phủ thành Đại-la », chứ chưa phải đã đắp cả thành.

Còn đến câu trong sử chép « năm Thuận-thiên thứ ba (1012), dựng cung Long-đức ở ngoài thành để hoàng-tử ở, muốn cho khắp biết việc dân » (4), là để cho hoàng-tử quen biết dân tình, chứ không phải là trong thành hẹp.

Mãi đến năm 1014, mới có chiếu phát 800 lạng bạc trong kho, đúc hai quả chuông để ở chùa Thắng-nghiêm và lầu Ngũ-phượng-tinh, đắp thành đất ở xung-quanh kinh-thành Thăng-long. Có lẽ cũng chữa rộng hẳn như ngoại-thành của đời Gia-long, vì khi vua Lý Thái-tổ mất, ba con thứ định cướp ngôi con trưởng, đều đem quân ở phủ

**Tissus locaux**

**ÉTABLISSEMENT CAO-DOT**

*Chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội-hóa như:*

Douppion, Shan-tung, Faux shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vân vân.

**Nơi giao dịch:**

*Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho* **M. Bùi thọ Cáo:**

**12 Rue Strasbourg**

**HaiPHONG**

*Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.*

minh vào phục ở cấm-thành : hai người phục ở cửa Quảng-phúc (phía tây), một người phục trong Long-thành ; thái-tử thì vào cửa Tương-phù phía đông) (5) : xem thế thì rõ ràng kinh-thành nhà Lý mới là cấm-thành thay là nội thành, chưa to bằng thành Gia-long.

Nùng-sơn ở chính giữa thành, đời Lý lập kinh-đô lấy núi ấy làm đài chính-điện, đến triều Lê là điện Kính-thiên, đời Gia-long là tiền-điện của Hoàng-cung ; hiện nay xây tòa pháo-thủ, cái bệ hãy còn hai con rồng đá, trông thật tinh-xảo, có lẽ chạm về đời Lý.

Tương truyền trong núi Nùng ấy có lỗ hổng để thông khí, người ta gọi là rốn-rồng. Còn Tam-sơn ở phía bắc Nùng-sơn. tương truyền là cái « chầm » (cái gối) cho chính-điện Nùng-sơn. Về đời Gia-long còn là cái núi đất ở cạnh cửa bắc. Vì trên núi có ba ngọn, nên gọi là Tam-sơn, hiện nay thì đã phạt đi mất rồi (6).

Còn thành ngoài thì không rõ ở đâu.

Nhưng xem như thế thì biết rằng thành Đại-la sửa sang thay đổi nhiều lần. Đến đời Trần, lại làm rộng thêm ra : trong *Đại-việt sử-ký toàn-thư* (quyển 5, tờ 6 a) chép « năm canh-dần thứ sáu, hiệu Kiến-trung (1230), vua Trần Thái-tôn đắp thêm bốn cửa thành ở ngoài thành Đại-la ».

Đến triều Gia-long, đắp ngoại-thành, có lẽ rộng hơn những thành của triều Lý triều Trần : vậy thì thành Lý, Trần ở trong Đại-la, chỉ vị bé nhỏ nên lọt vào trong chứ không phải ra hẳn chỗ khác. Để đợi khi nào đào hết các vết-tích, thì mới biết đích được.

*Ứng-Hòe* NGUYỄN VĂN TỐ

1) Sách Tàu như quyển Cựu Đường thư, chép là Lý-nguyên-Hỹ ; An-nam chí lược, gọi là Lý-nguyên-Thiện ; Khâm-định Việt-sử và Đại-Việt sử-ký toàn-thư in là Lý-nguyên-Gia.

2) Chép theo Man-thư quyển 4, tờ 5 a và 10 a, và Henri Maspero, Le Protectorat général d'Annam sous les T'ang, đăng trong Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient, quyển X, năm 1910 trang 651-553.

3) Khâm-định Việt-sử, quyển 5, tờ 3 a.

4) Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 2, tờ 5a.

5) Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 2, tờ 9b.

6) Bắc-thành địa-dư, tờ 10 a-b.

## Bên hoa

**Mái rạ nhà ai nhả khói chiều...**
**Nhánh non múa gió nhịp-nhàng reo...**
**Má tôi ửng đỏ bên hoa thắm,**
**Gửi lại bông đào chút ý yêu...**

*BÍCH-AN*

## Đính chính

T. T. số 86, trang 18, giòng cuối cột 1 : « Lý minh-Tông » xin đọc là « Lý minh-*Trọng* », giòng đầu cột 2 : « đời Đường » xin đọc là « đời *Tòng* »; trang 19, cột 2, giòng 3 : « thủy tinh » xin đọc là « *thạch nhũ* ».

T. T. số 84, trang 22, giòng thứ 3 và thứ 4 cột nhất (kể từ dưới lên), « vô chi » xin đọc là « vô *ích* ».

## Cùng các bạn thân mến

**Vì cần nhường chỗ, nên « *Việt nam văn học sử* » phải tạm hoãn từ bấy đến nay.**

**Bây giờ tôi thấy để lâu thành đuối, nên đang sửa-soạn cho ra thành sách để đáp lại thịnh-tình quá yêu của các bạn thân mến**

**Những liên tục bài như « *Phong dao chia loại và giải nghĩa* » cũng sẽ ra mắt các bạn với toàn tập bằng sách riêng.**

**Dẫu vậy, nếu tiện dịp, thỉnh thoảng tôi cũng sẽ xin trích đăng lên Tri Tân những đoạn trọng yếu trong các văn-phẩm ấy để thỉnh giáo cùng các bậc cao minh.**

HOA BẰNG

*ĐÃ CÓ BÁN*

**THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)**

*của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN*

**In lần thứ hai**

*HÌNH-ANH MỘT THỜI-ĐẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ TRONG THI-CA NƯỚC NHÀ*

*Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ* **Nguyễn-đỗ-Cung**

**Giá bán :** *Loại thường : 4 $ 25, loại bouffant hảo hạng : 7 $, loại versé baroque crème : 20 $*

**NGUYỄN ĐỨC PHIÊN** *xuất bản*

*Boîte postale 34 Huế*

## Cách ứng-dụng cái phương-pháp kia (II)

# BẢNG ĐỐI CHIẾU CÁC DANH-TỪ HÓA-HỌC PHÁP-VIỆT

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

| TÊN PHÁP | VIẾT TẮT THEO VẠN QUỐC | TÊN VIỆT |
|---|---|---|
| Aluminium | Al | A-lom (1) |
| Barium | Ba | Ban-rom (2) |
| Calcium | Ca | Can-xom (2) |
| Chrome | Cr | Cờ-rom (1) |
| Magnesium | Mg | Ma-giom (1) |
| Manganèse | Mn | Ma-nom (1) |
| Molypdène | Mo | Môt-đen (1) |
| Radium | Ra | Ran-đom (2) |
| Tungsteng | Tu | Tung-teng (2) |
| Titane | Ti | Tin-tan (2) |
| Kalium (potassium) | K | Ka-om (1) |
| Natrium (sodium) | Na | Nan-rom (2) |
| Lithium | Li | Lin-tom (2) |
| Rubidium | Rb | Ruy-bom (1) |
| Cœsium | Cs | Cê-som (1) |
| Tallium | Tl | Ta-lom (1) |
| Stronium | Sr | Sô-rom (1) |
| Glucilium | Gl | Guy-lom (1) |
| Cadmium | Cd | Ca-đom (1) |
| Cobalt | Co | Con-ban (2) |
| Callium | Ca | Can-lom (2) |
| Indium | In | In-đom (2) |
| Scandium | Sc | Si-com (1) |
| Yttrium | Yt | Yt-tom (2) |
| Lanthane | La | Lăng-tan (2) |
| Cérium | Ce | Cên-rom (2) |
| Néodyne | Nd | Nê-đim (1) |
| Phraséodyme | Pr | Pha-rim (1) |
| Erbium | Er | E-rom (1) |
| Ytterdium | Yd | Y-đom (1) |
| Iridium | Ir | I-rom (1) |
| Argent | Ag | A-gạc (1) |
| Cuivre | Cu | Cuyt-vông (2) |
| Stanium (étain) | Sn | Sa-niếc (1) |
| Fer | Fe | Fen-rắt (2) |
| Mercure | Hg | Huy-gân (1) |
| Nikel | Ki | Nich-ken (2) |
| Aurum (or) | Au | An-rang (2) |
| Platine | Pt | Pha-tim (1) |
| Plomb | Pb | Phơ-bì (1) |
| Zinc | Zn | Zi-nem (1) |

### LỜI CHÚ

*Cách đặt tên :*

Mỗi tên hai vần.

1·) Viết tắt bằng chữ đầu (initiale) vần đầu (1re syllabe) ; và chữ đầu vần thứ hai, nếu cái vần này là một vần xuôi ngược.

Vần xuôi ngược (syllabe mixte) là một vần xuôi ghép với một vần ngược mà thành ra, tỷ dụ Ro+om =rom Xo+om =xom,...

2·) Nếu vần đầu là một vần ngược (syllabe inverse) hay một vần xuôi ngược (syllabe mixte) thì viết tắt bằng hai chữ đầu của vần đầu, vần thứ hai bỏ không kể.

*Chú ý*

*a*) Chữ C đứng trước e, ê, i, đọc như X.

*b*) F đọc như Ph, Z đọc như Gi.

*c*) Uy kể làm một âm đơn (une voyelle simple).

*d*) Cứ theo những lệ (conventions) đã định để viết tắt mà đặt tên cho các thứ Kim.

Những chữ Âm (voyelles) dùng để viết tắt thì không để dấu ; chữ Đ không có cái gạch.

*Mấy tên A-gạc, Cuyt-vông, Sa-niếc, Fen-rắt, Huy-gân, Pha-tim, Phơ-bì, Zi-nem, đặt theo chữ viết tắt của vạn ...c, theo lệ viết tắt riêng của mình, mà lại phảng phất cái tên trong thường ngữ của chúng là Bạc, Đồng, Thiếc, , Thủy-ngân, Bạch-kim, Chì, Kẽm.*

*Hai thứ Kim vạn quốc gọi là Natrium (Trong thường ngữ, Pháp gọi là Sodium) và Radium, mình không kêu à Nat-xom, Rat-dom, là muốn tranh cái âm At sẽ cần dùng đến để đặt tên các thứ Muối (sels) theo người Pháp hay người Âu, tức là theo Vạn quốc khoa-học hội.*

# BẢNG ĐỐI CHIẾU CÁC DANH-TỪ HÓA-HỌC, PHÁP, VIỆT

## Métalloïdes : Thổ

| TÊN PHÁP | VIẾT TẮT THEO VẠN QUỐC | TÊN VIỆT | LỜI CHÚ |
|---|---|---|---|
| Carbone | C | Ca-o (1) | *Cách đặt tên và viết tắt* |
| Soufre | S | Su-o (1) | 1·) Viết tắt bằng chữ đầu (initiale) của vần đầu (1re syllabe), và chữ đầu của vần thứ hai (2e syllabe) nếu cái vần thứ hai này là một vần xuôi. |
| Chlore | Cl | Cờ-lo (1) | |
| Oxygène | O | Ôc-o (1) | |
| Nitrogène (azote) | N | Ni-o (1) | |
| Hydrogène | H | Hy-o (1) | |
| Phosphore | P | Pho-o (1) | Vần xuôi (syllabe normale) là vần ghép bằng một phụ âm (une consonne) và một âm (une voyelle, simple ou composée). |
| Silicium | Si | Sin-o (2) | |
| Hélium | He | Hên-o 2) | |
| Stibium | Sb | Si-bo (1) | Vần ngược (syllabe inverse) là vần vêp bằng một âm và một phụ âm (voyelle consonne). |
| Arsenic | As | Ác-si (1) | |
| Argon | A | Ạc-o (1 | |
| Bore | B | Bo-o (1) | Vần xuôi-ngược (syllabe mixte) là vần ghep bằng một vần xuôi (syllabe normale) với một vần ngược (syllabe inverse) mà thành ra. |
| Brome | Br | Bờ-rô (1) | |
| Fluor | F | Fuy-o (1) | |
| Iode | I | I-o (1) | |
| Sélénium | Se | Sên-o (2) | 2·) Khi nào vần đầu (1re syllabe) là một vần xuôi-ngược syllabe mixte) thì viết tắt bằng hai chữ đầu của cái vần ấy; vần thứ hai bỏ không kể tới. |
| Tellure | Te | Ten-uy 2) | |
| Néon | Ne | Nên-o 2) | |
| Xéon | Xe | Xên-o (2) | |
| Krypton | Kr | Kờ-ry (1) | |

*K đọc như C, F đọc như Ph.*

*Những tên của các Nguyên-tố trong hai cái bảng đối chiếu Danh từ Hóa học, Âu, Việt, này tôi có xửa lại đôi chút theo ý kiến của ông Nguyễn thụy Hùng, giáo sư Khoa học trước đây ở Nam-định, hiện giờ dậy ở Trường Bưởi để bỏ bớt những định lệ (conventions) viết tắt và đặt tên. Đặt lại như thế giản dị hơn, khoa học hơn, táo bạo hơn (plus simple, plus scientifique, plus hardi). Trước kia, ở trong bài* Ad ptation *tôi có định ra nhiều lệ để viết tắt và đặt tên theo chữ viết tắt của vạn quốc, mà lại phảng phất gần tiếng thường ngữ của Pháp, của Âu. Tham qua như vậy phải đặt ra đến sáu bảy lệ, cũng phiền phức; theo ý của ông Nguyễn thụy Hùng rút lại chỉ có hai lệ thôi, giản dị hơn, khoa học hơn, tốt hơn. Chỉ những người có óc khoa học không câu nệ như phần nhiều người mình mới dam nhìn nhận những cái sáng kiến táo-bạo, ưa những tiếng lủng củng (cacophoniques) như Ốc o, Ni-o, hơn những tiếng Ôc-xo (oxygène) Na zo (azote) êm tai hơn, gần tiếng pháp hơn. Nhưng bao giờ giản dị mà minh-bạch hơn thì cũng khoa-học hơn, nên tôi chịu ý ông Hùng là phải.*

**2·) Danh từ các Hợp-tố**

*Theo cách xếp đặt và xưng hô hiện thời của vạn quốc thì Hóa học chia các Hợp tố ra làm hai ngành lớ Một là các hợp tố trong đó có Ốc-o, hai là các Hợp-tố trong đó không có Ốc.*

*Phải chia như vậy là vì thoạt kỳ thủy người ta tương rằng hễ đã là Hợp tố thì thứ nào cũng có Ốc o: mãi mới biết rằng ngoài Ôc o ra, còn nhiều Nguyên tố có thể hợp với các Nguyên tố khác để thành ra Hợp tố được*

*Các Hợp-tố có Oc-o lại chia ra làm bốn hạng là Oc xit (oxydes), At xit (acides) Ban (base) và Sen (Sels).*

*Oc-xit có thứ hợp với Hy-o (Hydrogène) mà thành ra At xit được, gọi là Oc xit At xit (oxydes acides) hoặ An hy (Anhydrides). Các Oc-xit không thể hợp với nước (trong đó có Hy o) mà thành ra At xit, gọi là Oc (Oxydes neutres).*

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG THUYÊN

Triết - học thường thức

# NÓI CHUYỆN TRIẾT-LÝ

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

*Ông Nguyễn Đình Thi, một trang thanh niên anh tuấn, đã từng viết nhiều sách như « Triết học Nietzsche » « Triết học Kant » và « Triết học Einstein ». Nay ông, vì yêu Tri Tân, vui lòng cộng tác với chúng tôi về bài vở.*

*Vậy, từ nay, bản chí sẽ lần lượt cho ra mắt các bạn những bài của Nguyễn quân thuộc loại thường thức về triết học, rồi dần dần đi đến chỗ thâm ảo của những học thuyết cao sâu.*

*L. T. S.*

NGÀY NAY, những tiếng triết-lý, triết-học, dùng đã thành quen, nên cả những người không đọc triết-học bao giờ cũng hiểu được lờ mờ thế nào là triết-lý. Nhưng trong sự hiểu biết thông thường ấy, không khỏi có nhiều chỗ sai-lầm. Bởi vậy, trước khi vào sâu hơn trong những vấn-đề triết-học, chúng tôi tưởng không gì hay hơn là thích nghĩa hai chữ thường dùng đó cho rõ-rệt.

Chúng tôi xin nói trước rằng ta chưa thể hiểu ngay được thế nào là triết-lý. Vì triết-học không phải một khoa học bất di bất dịch, mà biến đổi theo từng thời-đại, và từng cá-nhân nữa; nên nhời thích nghĩa dưới đây chỉ có một giá-trị tạm thời.

Chúng ta đều biết triết-lý không phải là một tiếng sẵn có trong văn-chương Việt-nam. Ta mượn nó ở tiếng tàu. Nhưng người Trung-hoa xưa kia cũng không hiểu triết-lý là gì, tuy họ vẫn luôn luôn bàn chuyện triết-lý. Nói đến luân-lý, ta biết. Nói đến triết-lý, ta không hiểu. Điều đó không có gì lạ, vì triết-lý chỉ là một tiếng dịch.

Người ta dùng nó dịch chữ « philosophie » của người Pháp, « philosophy » của người Anh, và « philosophie » của người Đức. Nguồn gốc *philosophie* không phải ở tiếng la-tinh *philosophia* mà ở tiếng hi-lạp, vì dân-tộc hi-lạp mới là tổ-tiên của triết-lý tây phương.

Người Hy-lạp viết một thứ chữ đặc biệt, nhà in ta không có, nên chúng tôi tiếc không thể viết ra đây được chữ «philosophie» hy-lạp.

Nhưng không hề gì. Bạn đọc chỉ cần nhận xét rằng tất cả những chữ triết-lý, trong các tiếng nói kể trên, đều gồm hai phần : *philo-sophia*.

*Philo*, trong tiếng hy-lạp có nghĩa là yêu-mến. *Sophia* có hai nghĩa : là biết (savoir) và hiền đức (sagesse). Vậy *philosophie* nghĩa là muốn *biết* và muốn *hiền*, — biết theo nghĩa rộng nhất của chữ ấy, và hiền theo nghĩa cao đẹp nhất của chữ ấy. —

Phân-tích như thế, ta đã rõ hai vấn-đề chính của triết-học : tìm *biết* và tìm cách *hành-động* cho hợp với lẽ phải.

***

Người Tàu dịch chữ «philosophie» thực đã khéo, — khéo đến nỗi ta có thể không cần đem chữ *philosophie* tây ra phân-tích, cũng có thể định nghĩa được chữ triết-lý.— Vì chỉ đem phân-tích hai chữ « triết-lý », ta cũng có thể hiểu được những vấn-đề chính của triết học là những vấn-đề nào.

Ông Đào-duy-Anh định nghĩa chữ triết là trí đức : triết là *sophia* của tiếng la-tinh, và *sagesse* của tiếng pháp. Nhưng có lẽ hiểu thế cũng chưa đủ. Trong chữ « triết » ta thấy một ý quan-trọng : ấy là ý niệm về giá-trị. Triết-học là khoa học tìm biết *giá-trị* của sự vật : khi phán đoán một sự việc về phương-diện « triết », ta tìm xem sự việc đó đáng giá bao nhiêu. Trong « triết » học, chỉ có những nhời phán đoán về giá-trị (jugement de valeur). Nhưng nói đến giá-trị là phải nói đến bảng so-sánh : những bảng so-sánh của triết-học tóm-tắt trong ba chữ *chân, thiện, mỹ*. Và các triết nhân xưa nay chỉ là những người đi tìm giá-trị của sự-vật về phương-diện thật hay dối, thiện hay ác, xấu hay đẹp.

Vậy « triết » học gồm có :

luận-lý học, nghĩa là khoa học dạy người ta cách suy luận cho phải (logique) ;

luân-lý học, nghĩa là khoa học dạy người ta cách ăn ở cho thiện (morale) ;

mỹ-học, nghĩa là khoa học dạy người ta cách sáng tạo cho đẹp-đẽ (esthétique).

« *Triết* » nghĩa như thế. Còn « lý ? »

« Lý » nghĩa là những gì có thực, và có ở ngoài lòng người. Trong Kiều có câu : « Tuy ngoài là *lý* nhưng trong là *tình* ».

*Lý* trái với *tình*, điều đó rất dễ hiểu. Nhưng « lý » còn mâu-thuẫn với tất cả những gì thuộc về tâm hồn người, nghĩa là những gì luôn luôn thay đổi và biến-động nữa.

« Lý » là nguyên-do : khi phán-đoán một sự-việc gì về phương-diện lý, ta tìm xem trong thực tại, sự-việc ấy thế nào. Ta muốn *biết* vật ấy *là gì*. Trong lý có những nhời phán-đoán về thực tại (jugement de réalité). Ví dụ : Trời đất là gì ? Sống chết là gì ?

« Lý » hợp với « savoir » của tiếng pháp.

« Lý học » là khoa học tìm *biết* sự vật, nghĩa là biết can-do, duyên-cớ của sự-vật. *Lý* khác với *triết* là như thế.

Lý học có hai phần :

Một phần tìm biết những gì ở giác-quan ta thâu nhận được, những gì mắt trông, tai nghe, mũi ngửi, mồm nếm, tay sờ-mó thấy : đó là *vật-lý học* (physique).

Một phần tìm biết những gì ngoài phạm-vi các giác-quan của chúng ta : ấy là siêu vật-lý học (métaphysique). Nhưng người ta không dùng tiếng đó, mà dịch métaphysique là siêu hình học, hình nhi thượng học, hay gọn hơn : *huyền học*. Nói một cách khác thì vật-lý học tìm hiểu bề ngoài sự-vật, và nhường công-việc tìm-hiểu bề trong vũ-trụ cho huyền-học.

***

Chúng tôi cần nhắc lại : nhời thích nghĩa trên đây chỉ có một giá-trị tạm thời : ngày nay triết-lý nhũn-nhặn hơn ngày xưa nhiều lắm. Bạn đọc xét lại nội dung trên đây của triết-lý hẳn nhận thấy rằng triết-lý có một phạm-vi rất lớn. Ngày nay phạm-vi đó đã hẹp lại, nhưng lại sâu-xa hơn. Và tiếng triết-lý sở dĩ không còn được thông dụng bằng tiếng triết-học, cũng vì khoa học mà người Pháp gọi là « philosophie » đó, nay thiên về phần « triết » hơn là về phần « lý », và muốn chuyên về phần tìm tòi những « giá-trị » mà nhường bỏ phần tìm tòi những nguyên-do. Điều đó không phải vô cớ : nhưng tìm biết cớ đó lại là chuyện ở kỳ sau.

NGUYỄN ĐÌNH THI

*Kỳ sau* : **Triết-lý trải qua các thời-đại**

## GIỚI THIỆU

*Ba mươi năm văn học* của Mộc Khuê Kiều thanh-Quế — Tân Việt xuất bản giá : 1 $ 35

Đó là một cuốn sách nhỏ phác sơ sự tiến hóa của văn học nước ta kể từ 1914 đến 1941.

Theo như « lời nói đầu », tác giả chỉ cốt « *tính sổ văn học* » mà lập « *một bản thống kê văn học quốc ngữ trong vòng ba mươi năm nay* » (trang 6).

Thoạt đầu tác giả nói đến *Báo chí* : từ Đông-dương tạp chí qua Nam-Phong, An-nam tạp chí, Đông Tây đến Sông Hương, Thanh Nghị, Tri Tân v. v.

Mục *Thơ ca* liệt kê các thi sĩ và nữ thi-sĩ với cuộc sung đột giữa hai trường thơ mới và thơ cũ. Mục *Tiểu thuyết* được nói kỹ càng : từ làn sóng lãng mạn gây nên bởi Tố-Tâm (1924) với Hồn-bướm mơ tiên (1932) tới tiểu-thuyết xã hội của Nguyên-công-Hoan, Lê-văn-Trương và trinh-thám tiểu thuyết của Thế Lữ, Cao-Cúng tới trường giang tiểu thuyết (roman fleuve) của Nhất Linh, Nguyễn Vỹ.

Mục *Phóng sự* hơi đơn sơ. Các mục *Kịch-bản, lịch-sử, địa chí, khảo cứu, nghị luận* và *phê-bình* cùng *dịch thuật* đáng cho ta chú ý. Cuối cuốn sách tác giả thêm trong phần *phụ lục* : Một chuyện buồn cười ở làng báo Nam kỳ ngày xưa, kể qua cuộc đắc thắng của Hốt-tất-Liệt (!) Nguyễn-háo-Vĩnh ở Công-Luận.

Cuốn « Ba mươi năm văn học » tuy còn thiếu thốn và đơn sơ một chút, nhưng nó có thể giúp ích cho những ai cần đến tài liệu để viết những bài về văn học sử Việt-Nam hiện thời.

Ông Mộc-Khuê trong mục Thơ ca đã tỏ ra có một thể văn lưu-loát và trong mục Kịch bản đã tỏ ra một nhà phê-bình biết suy nghĩ.

Chúng tôi vui lòng giới-thiệu cuốn sách của ông với độc giả tri thức của Tri-Tân.

MẠNH PHA

**Cuộc Quốc-gia cách mệnh đương tiến hành, chúng ta đừng nên trù trừ. Đông-Pháp sẽ rất tân tiến mà vẫn thủ cựu.**

# BÁ-ĐA-LỘC

## HOÀNG-TỬ CẢNH

NGUYỄN-TRIỆT

*(Tiếp và hết)*

THÁNG 3 năm Giáp-dần (Mars 1794) Nguyễn-quang-Toản sai Trần-quang-Diệu đem thủy-binh vào cửa Nha-trang, Nguyễn-văn-Hưng đem bộ-binh đến Bình-khương, hợp binh đến vây thành Diên-Khánh. Đông-cung Cảnh và Võ-văn-Lượng vào thành chống giữ, sai Mạc văn-Tô đóng quân ở Tam-độc. Nguyễn văn-Nhân đóng ở Long-cương và Nguyễn Long đóng ở Thượng-đạo để chặn quân địch mà cho thông đường cứu viện.

Nguyễn-vương ở Gia-định được tin, đem đại binh ra giải vây. Trần-quang-Diệu rút lui và quân Tây-sơn kinh hãi bỏ chạy. Đông-cung cũng đem quân các đạo thừa thắng đánh phá ba đồn của Tây-sơn là Hà-nha, Thị-dã và Chủ-sơn, bắt được hơn 2.000 quân địch, quân Tây-sơn tan vỡ chạy cả, Đông-cung Cảnh phụng mật-dụ đem binh về đồn Tân thị.

Vương thấy Đông-cung mệt-nhọc lắm vì đã đi xa lâu ngày và thấy tình-thế Tây-sơn còn mạnh lắm, nên sai Võ-Tánh ở lại thay cho Đông-cung trấn thủ Diên-khánh và cho ông đem bộ binh về Gia-định.

Tháng giêng năm sau là Ất-mão (Janvier 1795); Trần-quang-Diệu lại đem quân đến vây Diên-Khánh, Võ-Tánh chống giữ, Quang-Diệu đánh mãi không được. Tháng hai, Nguyễn-vương lại để Đông-cung ở lại giữ Gia-định, rồi đem hết thủy binh ra cứu thành Diên-khánh.

Lúc này Đông-cung Cảnh trấn [illegible]ành Gia-định, trong thì vỗ yên [illegible] họ, ngoài thì vận-tải lương [illegible] và quân-nhu khí-giới ra [illegible]-khánh, phương-lược phòng-[illegible] đâu ra đấy lắm, nên quân [illegible] nhờ đó mà được yên-ổn [illegible] tỉnh.

Tháng tư năm Đinh-tị (Avril 1797), Đông-cung Cảnh lại theo giá đi đánh Qui-nhơn, rồi lại theo luôn ra đánh Quảng-nam. Khi rút quân về, Đông-cung tâu xin làm bộ sách « Hiền trung chư thần liệt truyện » để cổ-lệ lòng người, Nguyễn-vương cũng nghe theo và cho làm.

Đông-cung học rộng Kinh-sử và tính lại ưa những lời nói thẳng.

Bấy giờ quan phụ-đạo là Ngô-tùng-Chu (1) cũng làm hết trách-nhiệm sư-phó, gặp việc gì cũng khuyên, nên được nhiều điều bổ-ích...

Một ngày kia, trong khi giảng sách *Nhạc-ký*, Đông-cung nói rằng :

— « Nhạc cổ-nhân như thế mới cảm được giời đất quỷ-thần, chớ như nhạc tế-miếu ngày nay, theo tục mà dùng bọn nữ-nhạc và kẻ bài-ưu thì rất là vô-vị !...»

Lắm khi đông-cung học đến nửa đêm mà vẫn không biết mỏi-mệt.

Tòng-Chu nói rằng :

— « Soái-phủ tay không mấy khi rời quyển sách, rất là có ích ».

Đông-cung nói :

— « Ngày xưa vua Hán-cao tổ và Tống-Thái-tổ đều là vua sáng-nghiệp. Vua Cao-Tổ thường nói : « Ta ngồi trên ngựa mà được Thiên-hạ, cần gì phải dùng đến Thi, Thư. Vua Tống Thái-tổ thì dầu ở trong đám quân mà vẫn xem sách. Lấy hai việc ấy mà so sánh hai người thì thấy cách nhau xa...! »

Tòng-Chu nói :

— « Soái-phủ nói phải lắm, đã lĩnh hội được rồi đấy !

Cuối năm ấy, Đông-cung lại phụng mạng ra trấn Diên-khánh thay cho Tiền quân Nguyễn-văn-Thành. Nhiều khi Viết-Phúc (2) lỗ-mãng, nói phạm đến Bá-đa-Lộc ; Đông-cung tâu việc ấy về Gia-Định, Nguyễn-vương liền triệu Phúc về Gia-định và thu lại tất cả quyền chức. Vương lại dụ rằng :

— « *Con trấn thủ đất Diên-khánh có quyền xử-đoán mọi việc, từ phó-tướng trở xuống nếu không tuân lệnh thì cứ chém đi cho nghiêm quân-pháp...*»

Tháng ba năm Kỷ-mùi (Avril 1799), Đông-cung lại theo Vương đi đánh Qui-nhơn, sau khi hạ thành và đổi lại tên là Bình-định, lưu Võ-Tánh ở lại giữ thành rồi rút quân về Gia-định. Sang tháng giêng năm Canh-thân (Janvier 1800), Trần-quang-Diệu và Võ-văn-Dũng là tướng Tây-sơn lại đến vây khốn thành Bình-định, nhà vua lại phải để Đông-cung Cảnh ở lại giữ thành Gia-định, rồi đem đại binh đi cứu Bình-định.

Bấy giờ có Cai-cơ Hà-tiên là Mạc-tử-Thiêm (3) cho dân đến đong thóc ở Kiên-giang và Long-xuyên (4) về ăn, quan coi hai xứ ấy không cho đong, Tử-Thiên phải tâu về Triều-đình để xin đong cho dân ăn, Đông-cung bèn nói rằng :

— « *Thóc gạo đem ra bề tuy rằng có cấm song dân Hà-tiên cũng là con đỏ của Triều-đình, lẽ nào lại ngồi nhìn cho chúng chết đói !* »

Rồi tâu việc ấy với Nguyễn-vương, ngài liền cho phép dân Hà-tiên đong thóc ăn để cứu sống cho dân xứ ấy.

Ngày mồng 7 tháng 2 năm Tân-dậu nhằm 20 Mars 1801, Đông-cung Cảnh lên đậu, rồi mất ở thành Gia-định, mới 22 tuổi.

Vua Nguyễn lấy làm thương xót vô hạn, sai Nguyễn-văn-Nhân và Nguyễn-tử-Châu cùng với quan Lễ-bộ sửa việc tang.

Đến năm Gia-long thứ tư (1805) truy thụy là Anh-duệ hoàng thái-tử.

Khi còn thơ-ấu, trong lúc giang sơn nghiêng-ngửa. Hoàng-thái-tử đã trải bao nỗi gian-truân : giãi dầu sóng gió, gửi đậu nước ngoài, từ hòn Thổ-châu cho đến thành Diên-khánh hàng sáu năm trường vì nhà, vì nước. Lên chính-vị Đông-cung vừa được 8 năm, trong lo việc nước, ngoài coi việc quân, đức uy tỏ rệt khi mất, gần xa nghe tiếng, ai cũng cảm thương vô cùng.

Ba phi là Tông-thị-Quyên, sinh được hai con giai là Mỹ-Đường và Mỹ-Thùy.

Năm Gia-long thứ 16 (1817), Mỹ-Đường được phong là Ứng-hòa-công và Mỹ-Thùy là Thai-bình công, tước trật bổng-lộc cũng được như các hoàng-tử khác.

Năm Minh-mạng thứ 5 (1824), Mỹ-Đường bị mật cáo có tội tư-thông với mẹ là Tông-thị (5), vì thế nên Tông-thị phải tội đem dìm xuống sông chết, Mỹ-Đường thì phải cách hết cả chức tước và sụt xuống làm dân đinh con cháu phải phụ chép vào sau tôn-phả.

Năm Minh-mạng thứ 7 (1826), Mỹ-Thùy là Thái-bình-công bị kiện, đến khi sắp giao cho đình-nghị thì mất. Mỹ-Thùy không có con. Con trưởng của Mỹ-Đường là Lệ-Chung được phong làm Ứng-hòa-hầu để giữ việc tế-tự cho Anh-duệ hoàng-thái-tử, đến năm sau, lại được cải phong là Thái-bình-hầu.

Năm Minh-mạng thứ 14 (1833), các quan chánh phó tổng-tài sở Ngọc-diệp là Phan-huy-Thực và Tôn-thất Bằng tâu rằng :

— « *Mỹ-Đường trước phải tội, con cháu đã phải phụ lục ở sau phả tôn-thất, vậy tội của Mỹ-Đường chỉ là tự mình làm hại mình... Vả con là Lệ-Chung hiện đã được tập tước để giữ việc tế-tự Anh-duệ Hoàng-thái-tử, vậy thì con cháu khác cũng là cháu của Hoàng-thái-tử cả, xin biên cho vào phả tôn-thất mà tiếp theo vào hoàng-thế-thứ của Hoàng-thái-tử, còn như tên Mỹ-Đường thì xin chua rõ tội-danh mà tồn-án* ».

Vua Minh-mạng châu phê ưng theo lời ấy.

Năm Minh-mạng thứ 17 (1836), Tôn-nhân phủ lại hội-đồng với lễ-bộ mà tâu rằng :

— « *Mỹ-Đường tội cả rất nặng, con cả hà nên cho vào tôn-phả, duy Lệ-Chung đã mông được tập phong để giữ việc tế-tự Hoàng-thái-tử, xin miễn nghĩ danh, còn như con giai là Lệ-Ngân, con gái là Thị-Vân, Thị-Giao thì đều xin cách xuống hàng thứ dân và tước bổng hàn tên trong tôn-phả* »,

Vua Minh-mạng cũng lại nghe theo lời ấy.

Đến đời vua Tự-đức năm thứ nhất (1848), quan Đông-các đại học-sĩ Võ-xuân-Cẩn lại dâng sớ xin ban ân cho Hoàng-thái-tử và nhờ thêm có đình-thần là bọn Tạ-quang-Cự hơn 30 người tâu xin hộ, nên các con cháu Hoàng-thái-tử lại được biên vào phả Tôn-thất và Lệ-Chung thì được ân phong là Cẩm-hóa quận công.

**(Hết)**

NGUYỄN-TRIỆU

1) *Xem Tri-Tân số 10 trang 17.*
2) *Xem Tri-Tân số 46 trang 18.*
3) *Con Mạc Thiên-Tích (1706-1780) xem Tri Tân số 50 trang 23 cước chú 13.*
4) *Nay là Rạch-giá và Cà-mau.*
5) *Theo Đại Nam liệt truyện quyển 2, tờ 11 b.*


**Giá báo**

| | |
|---|---|
| Mỗi số | 0$20 |
| 1 năm | 8 50 |
| 6 tháng | 4 50 |
| 3 tháng | 2 35 |

*Công sở giá gấp đôi*
Mua báo xin giả tiền trước

## Một kiến-giải về

# VẤN-ĐỀ DỊCH SÁCH

của ĐỖ-THÚC

NAY bàn đến dịch sách hình như câu chuyện không thiết-thực. Nhưng nếu ai mà để ý với con mắt lịch-sử xem xét vấn-đề ấy thời thấy, từ xưa đến nay, trong tiếng nam ta, phần phiên-dịch nhiều hơn phần trước-tác. Thật vậy, hồi xưa thì ta dịch chữ nho ra quốc-âm hay là chữ nôm ; hồi nay, thì tự khi hai lối học-thuật âu-á đã sen vai sát cánh, trong làng van ta dịch nhiều sách pháp-ngữ ra việt-ngữ ; mà những truyện nôm dịch ra tiếng tây cũng không ít. Vậy thiết tưởng bàn đến việc ấy không phải là câu chuyện vô bổ.

Trong bài này, tôi sẽ lược khảo việc diễn dịch, khó khăn thường vì những cớ gì, chỉ nói về phần dịch tiếng pháp ra tiếng ta mà thôi. Trừ những chi-tiết linh-tinh không xiết kể, duy có mấy điều khó-khăn chính tại những danh-từ chung và riêng ; chung về muôn sự-vật, riêng về nhân danh, địa danh, thần danh v. v. trong quốc-ngữ không sẵn, hay là dịch theo âm thì khó tránh sấu-sa thô-tục.

*a)* Những danh-từ riêng, dẫn thí-dụ thì tôi xin phép mở pho trường-thiên-ca kia của người Hy-[illegible] xưa, không phải chỉ vì một [illegible] là ta có thể thong-dong tranh-[illegible]n rất nghiêm, mà không câm [illegible] hước chut nào, nhưng chính vì [illegible]ay năm trước dư-nhàn, tôi đã thử phiên-dịch ra thơ lục-bát được gần một nửa rồi, mà lượm nhặt trong khúc thứ nhất được vài ba mươi tiếng sau này :

1) Nhân-danh như : Ulysse, Pénélope, Télémaque, Laërte, Icare, Thoosa, Mentes, Phémius, Nestor, Ménélas, Euryclée ;

2) Thần, tiên-danh như : Muse, Jupiter, Saturne, Nepturne, Minerve, Mercure, Calypse,

3) Địa-danh như : Olympe, Ithaque, Ogygie, Sparte, Pylos, Samè, Zacinthe.

Diễn-dịch danh-từ riêng đã kể đấy ra nam-ngữ, tất nhiên chỉ cần theo đúng âm, như thế tưởng dễ lắm ; nhưng chỉ ở trong khu vực văn suôi mà thôi vì ở đây, không phải lựa thanh bằng hay âm trắc. Nếu muốn giản-dị, thì ta có thể cứ viết những danh-từ riêng bằng tiếng pháp, có chua hay không chua tiếng đọc lơ-lớ ra quốc ngữ theo sau cũng được. Ví-dụ : Ulysse (Uy-lít-sơ, hay U-lít-sơ). Nếu muốn dịch ra lối thơ thì lắm lúc gặp khó-khăn vô cùng ! Vậy về lối thơ, ta nên khoan dung, chớ nên ép đúng tiếng pháp, hoặc là théo chữ hán đã dùng trong một quyển nào, mà tác-giả cũng đã dựa vào tiếng âu-tây để dịch âm. Nếu phương-pháp ấy đã công-nhận là nên dùng trong trường-hợp này, thì quốc-vương Ulysse có thể lấy tên trong làng thơ ta là Ưu-lịch, bởi vì quốc-vương ấy khi đã xuất binh cùng đồng-minh đánh giặc xong, trở thuyền về nước nhà, dọc đường gặp phong ba, bị phiêu lưu đến các nước, trải qua tai-nạn bao hồi, rồi mới về tới quê cha đất tổ, vợ con gặp mặt vui mừng, sau khi đảng hoang-dâm đã bị tảo-trừ hết.

Vợ vua là Pénélope, có đức-hạnh trinh-tiết đáng để nhà thơ cổ đã tán-dương, nay diễn dịch mỹ-danh trinh-phụ ấy ra quốc-âm thế nào Bê-nê-lốp, Bê-nê-lập, Bi-nê-lạp hay là Phi-nê-lập ? Phi-nê-lập có sai một chút, nhưng nghe lọt tai hơn cả.

Con vua là Télémaque ; lúc vua cha xuất binh, cậu còn nhỏ bé, sau khôn nhớn đến thì, nghe lời hiền-triết, đêm dời cung-điện, lẻn xuống thuyền buồm, không để từ-mẫu rõ minh quyết đi mời phụ-vương. Lòng son đáng trọng, gan vàng khá khen ! Có nhẽ là tại đây pho tiểu-thuyết kia của Fénelon tiên-sinh đã nảy-nở ra, ngụ ý giáo-dục tối cao, có thể bù vào chỗ thi-vị trong tiểu-thuyết ấy xem chừng không mặn mà, như độc-giả thường ao-ước. Danh-hiệu hoàng-tử này mà dịch âm là Tê-lê-mạc thì nghe hợp lắm.

Laërte là cha vua Ulysse diễn ra tiếng ta là La-e-tờ, Lã-e-tố, Lê-e hay La-ê cũng được ; có thể tùy nơi đặt câu mà lựa chọn.

Icare cũng là vị vua, cha nàng Phi-nê-lập đã nói trên ; dịch danh-hiệu quốc-vương ấy là I-ca, hoặc Y-cả, tưởng không sai lắm.

Thoosa là một nàng công-chúa đã được vinh-hạnh sánh vai cùng ông thần Bể ; phương-danh của nàng có thể dịch là Tố-sa hay Tô-sa.

Cụ Mentès đã giúp đỡ ông hoàng Tê-lê-mạc mà khuyên ông nên

xuất-dương để dò âm-tín vua cha vắng mặt lâu năm, thực là một việc rất hợp với quan-niệm luân-lý của ta. Vì vậy dịch tên cụ là Mạnh-tề, thì có nhẽ không ai dị nghị chăng?

Tên chàng ca-công Phémius dịch là Phê-miễu, nghe cũng êm tai. Chàng nay có tài đàn ngọt hát hay, mà không muốn a-dua với bọn bê-tha trong điện vua kia, nhưng cũng phải gượng vui cùng chúng.

Nestor là một vị vua minh-triết lão-thành, dịch nôm là Niết tộ cũng nghe được.

Danh-hiệu quốc-vương Ménélas có thể dịch là Mê-lê-lát, Mề-nê-lạt, Mỹ-nê-lạt, hay My-nê-lạt.

Còn mụ già là kẻ hầu-hạ trong cung Hoàng-tử Tề-lê-mạc, tên mụ là Enryclée, ta có thể cải tên mụ ấy là Ơ-ry-co-lê, Ư-rỹ-cơ-lê, Âu-rịch-lệ hay là Âu-rịch-lê cũng được.

Những danh-hiệu thần-tiên hy-lạp xưa diễn ra tiếng nôm, có vị dễ, có vị khó. Ví-dụ Muse, cứ chữ hán diễn là Thi-thần, mà tiếng ta thì nói là Thần-thơ; nếu dịch âm thì khó lựa tiếng cho hợp. *Muy-dơ*, hoặc *Muy-dờ* không được; *Mu-dờ* hoặc *Mu-dơ* cũng không lọt tai người nam ta. Trong xóm thơ mới quốc-ngữ, có nàng Thơ, xét căn-cước hình như là vị kia đã hiện vào, nhưng còn lờ-mờ chưa rõ.

Ta nên biết cha vị thần Thơ là thiên-đế, mẹ là nữ-thần chủ việc kỷ-niệm, đã sinh hạ thiên-tiên chín nàng chị em, mỗi nàng chủ-trương một nghề, trong các nghề dụng trí như: lịch-sử, âm-nhạc, hài-kịch, bi-kịch, khiêu-vũ, bi-ca, thơ đàn, thiên-văn, khẩu tài, anh-hùng-ca.

**Thống chế Pétain đã nói:**

*Vì nghĩa-vụ, Bản-chức phải coi những kẻ buôn thầm bán lén như những người phá hoại sự thống nhất của nước Pháp.*

Cha các nàng tiên ấy là Jupiter, dịch nôm theo âm là Duy-bi-tê, thì đúng nhưng thiếu giọng nam-ngữ. Duy-bi-tề hay Duy-bi-tề có phần êm tai hơn. Vị này hình như có họ dây-dưa với Ngọc hoàng, và thiên lôi chăng?

Saturne là bố đẻ thiên-đế ấy, dịch ra tiếng nôm mà theo âm là Sa-tuyếc-nờ, hay Sã-tuyếc-nơ, thì nghe như vô-nghĩa. Sã-túy thì gọn hơn.

Nepturne là Hải-thần, tức là Thần bể, có họ với Thủy-tề bên ta, dịch ra nam-ngữ là Nep-tuy-nờ, thì đúng tiếng; muốn thêm vẻ nho-nhã thì dùng tiếng Niếp-tuyên, hay Niếp-tuyền.

Nữ-thần coi việc cung kiếm, sự minh-triết hay là sự khôn, sự khéo kim chỉ, tài thêu-thùa là Minerve, nói nôm là My-nê-vờ hay Mỹ-nề không sai lắm, tiếng vơ hay vờ tước đi cũng được.

Mercure là vị thần được thiên-đế thường sai đi sứ đến các nơi, hai chân có cánh bay vun-vút, danh-hiệu vị ấy ta có thể dịch là Mễ-quy hay Mỹ-quy.

Cô tiên Calypso một mình ở trên hải-đảo, người ta có lúc phảng-phất ngỡ đấy là non Bồng, mỹ danh của nàng dịch nôm theo âm là Ca-lip-sô, thì nghe có ý thô. Dịch là Ca-li-tô hoặc Ca-lỹ-tô có nhẽ êm giọng hơn.

Còn những tên đất hay xứ nào, khi phải diễn dịch ra, để đặt vào câu theo lệ làng thơ ta, — nói rằng lệ làng mà có lúc nghiêm-ngặt như phép vua, — thì nhà thư thường thường phải nghĩ-ngợi tìm-tòi. Ví-dụ Olympe. Ta mở quyển tự-vị Larousse ra xem thì thấy chép là tên nhiều quả núi trong cõi Hy-lạp, mà quả núi trứ-danh nhất thì cao 2.885 thước tây, cứ chuyện xưa tưởng-truyền đấy là cõi thần-tiên ở. Tiếng ta dịch theo âm là Ô lanh-bờ; nhưng có thể dịch gọn là Ô-lĩnh, Ô-lanh hay Ô-linh, tiếng *bờ* kia tước đi nghe cũng lọt tai.

Nếu gặp địa-danh như Ithaque mà dịch là I-tac, hay I-tắc thì thực như một xã nào trong nước nam ta vậy.

Ô-gy-gi là tên cù-lao của nàng tiên kia ở, ta nên dịch theo âm là Ô-gy-gi, hoặc Ô-gy-gĩ.

Sparte là danh-hiệu một nước trong cõi Hy xưa, rất sùng nghề võ, diễn ra quốc-ngữ là Sỹ-bắc nghe chừng cũng được.

Xứ Pylos nên dịch là Bi-lộ hay Bỉ-lộ.

Samé, có thể theo âm mà dịch đúng.

Còn xứ Zacinthe, dịch là Da-xinh-tơ, hay Da-xinh, tưởng cũng không sai vậy.

Những danh-từ riêng mà tôi đã thử dịch ra quốc-âm như trên kể, không nhất-định là hoàn hảo nên tùy tình, tùy cảnh, lại tùy chuyện mà lựa tiếng.

*(Còn nữa)*

ĐỖ-THỨC

## Vài cảm-tưởng sau khi đọc cuốn

# BINH HO LAO

## của bác-sĩ Lê-văn-Ngôn

PHẠM-MẠNH-PHAN viết

TRONG số sách vừa xuất bản, có một cuốn loại khoa-học đáng cho ta chú ý và nghĩ-ngợi : đó là cuốn « *Bịnh ho lao* » của bác-sĩ Lê-văn-Ngôn.

Tác-giả đối với các bạn đọc Tri-Tân, không phải là một người xa lạ. Vì trên trang tạp-chí này ông vẫn thường cùng chúng tôi cộng sự trong văn-bùi hòng đem tài học và kinh-nghiệm giúp ích đồng bào trong phạm-vi nghề-nghiệp.

Đối với một ông bạn đồng chí ấy trên con đường văn nghệ, lẽ tất nhiên tôi có cảm tình. Nhưng tôi cố cầm cán bút cho ngay thẳng, không để cảm tình đè nặng trĩu trên cây bút mà nói sai lạc những điều muốn nói.

Tôi cần có mấy lời thanh minh ấy để phá các mối ngờ, nếu có, của những bạn đọc đa nghi.

***

Cuốn *Bịnh ho lao* của bác-sĩ Lê-văn-Ngôn không phải là một cuốn sách riêng chú trọng về phần lý thuyết.

Tác-giả chỉ cốt bầy những phương-pháp để chống với một bệnh nguy-hiểm, để săn-sóc và huyên ran những người phổi yếu để tiếp dưỡng người bị lao. Những lý-thuyết khắc khổ, những [illegible] gay-go cùng những đoạn [illegible]-cứu khô-khan dễ làm nản [illegible] người đọc, phần đông không [illegible] là những nhà chuyên môn, đều không thấy có trong cuốn sách.

Ngay trong « *Thay lời tựa* » tác giả đã viết :

« *Trong cuốn sách cỏn con này tôi không có kỳ vọng bầy giải đủ các mặt về bịnh lao.*

«... *Ước mọng của tôi là trần thuật, với một cách mà tôi muốn hết sức phân minh, bình dị, cho bạn đọc biết mối hại là đâu đặng ngừa, đặng tránh, biết thế nào là bệnh mới phát, khỏi đặng sớm lo điều trị, biết thế nào là cách tiếp dưỡng bịnh nhân vì chẳng phải chỉ ăn cần thuốc men là đủ, biết thế nào là mình đã mạnh hẳn và biết nghề nghiệp gì nên làm cho phổi đừng mệt nhọc.*

« *Tôi lại mong bạn đọc biết rõ mấy phương pháp rất dễ theo để đặng sống lâu, để bịnh không thể lan tràn từ người này qua người khác, nhứt là để khỏi lo rằng hễ gần người lao là bị truyền nhiễm ngay* » *(trang 18-19).*

Đọc hết cuốn sách tôi thấy lời của tác-giả trên đây là đúng. Tác-giả đã đạt được mục-đích khi nói một cách rành mạch những điều muốn nói.

Một điều đáng chú ý là ông không muốn cuốn sách của mình thế chân ông thầy thuốc mà chỉ muốn nó là một tay sai đắc lực của lương y luôn luôn ở cạnh các người phổi yếu và các bệnh nhân để bảo ban những phương pháp chống với kẻ thù nguy-hiểm của loài người là vi trùng Koch (1882).

Cuốn sách có bầy phần : mỗi phần chia ra từng mục nhỏ ngăn ngắn và dễ hiểu.

Trong hai phần đầu tác giả khảo cứu sơ về vi-trùng lao từ Hippocrate qua các lương y đại tài như Galien, Laennec, Villemin và Koch.

Ông nói qua những đặc tính của vi-trùng và những phương pháp để giết chúng như : solutions de Kuss, Crésyl, eau de Javel, v. v.

Phần thứ ba là phần đáng để ý nhất vì phần đó không phải dành riêng cho những ai là bệnh nhân mà dành cho những « *người phổi yếu* ».

Chúng ta có lẽ là những người có phổi yếu cả, vì trong phổi chúng ta theo lời các bác sĩ « *thì có 97 phần 100* » có vi trùng lao vào từ hồi thơ ấu ! (trang 85).

Sau khi đặt câu hỏi ai là người phổi yếu, tác giả chỉ rõ những phương-pháp để tránh bệnh lao qua hai quan điểm thể-dục cùng khoa-học (B. C. G. và vaccin Friedmann).

Từ phần thứ tư tới cuối sách, tác giả nghiên cứu bước đầu của bệnh lao với các phương pháp trị trong khi mắc bệnh và các điều giữ gìn sau khi khỏi.

Mấy trang chót, ông nêu lên một câu hỏi đã từng làm bận óc nhiều người : « Mắc lao có nên lập gia-đình không ? »

Chia ra từng hạng bệnh nhân nặng, nhẹ rồi ông kết luận tin ở sức mầu nhiệm của khoa học thái tây có thể giúp ích lớn cho phần nhân loại.

Trong sách, lại có nhiều tấm

ảnh giúp cho người đọc dễ hiểu về bịnh lao phổi.

***

Tôi vừa phác sơ nội dung cuốn « Bịnh ho lao » để các độc giả ai chưa đọc cũng có đại ý về cuốn đó.

Đã không phải là nhà chuyên môn thì lẽ cố nhiên tôi không đủ thẩm quyền phê bình hay dở các điều thuộc về y-học của tác giả.

Sự kinh nghiệm và địa vị của ông trong y-giới, Nam-kỳ đủ đảm bảo cho những lời trong cuốn sách.

Khi trước, năm 1934, trong y giới Bắc-hà luôn trong mấy chục số *Bảo an y báo*, bác-sĩ Phạm-hữu-Chương cũng đã nói đến « Bệnh lao ». Nhưng bác-sĩ Chương quá thiên về phần lý-thuyết mà giảng giải theo y-lý một cách cặn kẽ, khó làm người đọc phải say mê.

Hai ông Tuệ-Khanh và Tuấn-Sỹ trong cuốn « *Lao phổi* » xuất bản ở Hanoi nam 1934 thì lại chuyên chú về các nhiễu chứng của bệnh lao như : lao phổi, lao hạch, lao màng phổi, lao ung mủ, lao thở thịt, vân vân.

Trái lại, cuốn « Bịnh ho lao » của bác-sĩ Lê-văn-Ngôn thì giản dị và rành mạch. Cuốn đó có một công dụng về thực hành hơn về phần lý-thuyết.

Đọc nó, người ta không có cảm tưởng đọc một cuốn sách giáo khoa khắc khổ và khô khan. Nhiều lúc tác giả bỏ mục kính nhà khoa học mà đứng trên thửa đất xã hội phác kể các nguyên nhân về bịnh lao : bệnh sầu thảm (trang 122) tệ tảo hôn (tr. 138), nạn trụy lạc (tr. 144), bả văn minh (tr. 146).

Tác giả có ý cải-thiện cách ăn uống của người mình để tránh bịnh truyền nhiễm (tr. 155) và khuyến khích người ta đi bộ để cơ thể khỏi dễ suy nhược, hầu đủ sức chống lại vi-trùng lao (tr. 146).

Nhưng một vài đoạn, tôi thấy tác giả hơi giản dị mà không đủ thỏa thích sự tò mò hiểu biết của người đọc.

Trong cuốn sách, như cuốn «*Bịnh ho lao*», cần phải có một bảng kê các sách mà tác giả đã dùng để kê cứu (*bibliographie*) để đoạn nào người xem muốn biết kỹ lưỡng hơn tra cứu thêm cho rành mạch. Tôi tiếc bác-sĩ Lê-văn-Ngôn đã quên chỗ đó.

***

Đọc mấy trang đầu, ta thấy tác giả « *Bịnh ho lao* » đã thành thật và thiết tha đến sự truyền bá vệ-sinh và sự bảo vệ giống nòi Nam-việt.

Theo tác giả thuật lại thì ở Pháp mỗi phút đồng hồ có một người chết về lao ! (trang 16).

Ấy là ở một nước văn minh, khoa học đã tiến, cách truyền bá vệ sinh đã phổ cập trong dân gian và số các dưỡng bệnh đường (*sanatorium*) đã mọc lên như nấm.

Chứ ở nước nhà ? Chắc chắn là con số đó sẽ tăng lên nhiều.

Lấy sự so-sánh ấy mà nghĩ đến những đồng bào thất học và lam lũ, chúng ta luống những ngậm ngùi cho giống nòi trước cái hiểm tượng nghèo-khổ, ngu dốt và các bệnh tật nguy nan mà bệnh lao là một !

Thấy các xóm yên hoa và các hộp đêm ngày thêm đông đúc đã từng chôn vùi biết bao sự-nghiệp, chúng ta ai không ghê sợ thầm lo cho những bệnh tình, tay sai đắc lực của bệnh lao, đã làm tiêu ma biết bao nguồn sinh-lực, đã làm tan-nát biết bao gia-đình êm ấm của con nhà Đại-việt !

Những lúc tâm hồn bình tĩnh, óc không bận rộn về kế mưu sinh, không vẩn đục về tiền tài danh-lợi, lòng không ngao ngán về thế-sự thang trầm, nghĩ tới cái khí thiêng non sông đất nước đã từng hun đúc nên mình, mỗi người trong chúng ta ai không nồng nàn tha thiết mong cho nòi giống ngày thêm phồn thịnh, có những trang lịch sử đẹp đẽ, ai không thắp hương cầu nguyện cho lớp người đồng thời chúng ta và sau chúng ta được thêm cường tráng.

Bồi bổ và bảo vệ sức khỏe của chúng ta : ấy là nguyện vọng của mọi người. Vì nhân dân cần phải « khỏe », khỏe trước đã, cả về thể chất lẫn tinh thần rồi muốn « nói chuyện » trời Nam biển Bắc gì thì nói !

Những cuốn sách chú trọng về phương diện ấy, như cuốn « Bịnh ho lao », đáng được mọi người khuyến khích và đáng được làm cuốn sách gối đầu giường của những ai có một bộ ngực lép kẹp và một thân hình xanh lướt, gầy còm yếu ớt mà Tử thần như chỉ chờ sẵn trước nhà những ngày đau yếu.

Chúng đáng được khuyến khích hơn nữa để cổ võ cho những bạn thanh niên tân học đã biết thức tỉnh mà đem tài học giúp ích đồng bào ngoài công việc phụng sự cơm áo hằng ngày, mà làm giàu cho sách quốc văn nghèo nàn và thơ của chúng ta để đu vật xây dựng một nền văn hóa cho nước.

PHẠM-MẠNH-PI

# HOA - TIÊN TRUYỆN

(*Tiếp theo và hết*)

ĐÀO-DUY-ANH

Khi Lương-sinh trở lại Phượng-châu, đến tìm Giao-tiên thì nghe tin nàng đã theo cha về Kinh, chàng chết ngất đi, nguyên-văn chép rằng :

« Tìm xem phong cảnh đình Vọng-ba : phong cảnh thời xưa lại thêm mới. Trên mặt tường phấn thơ còn đó, cớ sao không thấy người họa thơ ? Thấy cảnh thương tình rỏ nước mắt. Ai ngờ đời nay không được cùng ở với nàng ? Còn nhớ những lời hứa-hẹn lúc đương sơ. Ai biết ngày nay thảy hóa bụi ! Làm hại xuân xanh nàng bởi ta lầm. Diệc-thương sao dám phụ ơn nàng ? Oan ta trọn đời phải cô đơn ; không dám nghe cha lấy vợ khác. Trời xanh dù chẳng theo người nguyện, trước đến suối vàng chờ đợi nàng vào xem đình Khán-vân, chốn ấy cùng nàng phát lời thề. Văn thề đều nói tồn thiên-lý, ngày nay thì tung tích đã chìm xa. Tính đi tính lại duy có chết. Đời nay không mong được xuân cầm-đường. Tự tư tự tưởng đến nghẹn hơi ; chết ngất trong đình vì người ngọc ».

Nguyễn-Huy-Tự dịch thoát rằng :

« *Băn khoăn quần trước đình ba,*
*Rường cao én dạo, hiên tà nhện dăng.*
*[illegible]ên thơ vách hãy răng răng*
*[illegible]u thơ cách mấy mươi tầng người thơ...*
*[illegible]a rèm lác đác hoa mưa,*
*[illegible]n rêu này dấu thề xưa chỗ này.*
*Quần riêng trăm nỗi chở đầy,*
*Huyết dong cơn vựng trai vây ngã đùng* ».

Nguyễn-Thiện nhuận sắc là :

« *Băn khoăn đến trước đình ba,*
*Rường không én để, song tà nhện dăng.*
*Dấu thơ vách hãy răng răng,*
*Xã thơ cách mấy mươi từng người thơ.*
*Nửa rèm lác đác hoa mưa,*
*Sân rêu này dấu ngày xưa chén đồng.*
*Mày dương liễu mặt phù dung,*
*Ngắm hoa mà nhắc tấm lòng sinh ly.*
*Trăng thề còn đó chi chi,*
*Liễu Chương-đài biết chăng đi đâu rồi ?*
*Mừng xuân đào hãy ngậm cười,*
*Vẻ hồng như cũ mặt người nào đâu ?*
*Nào khi gương gác phấn lầu,*
*Giờ sao lạnh ngắt mặc dầu khói sương.*
*Này ai rập lửa vùi hương ?*
*Để ai đá nát phai vàng với ai ?*
*Giận riêng trăm nỗi chất đầy,*
*Một hơi giá ngắt hai tay lạnh đồng* ».

Xét hai tỷ-dụ ấy thời ta thấy nhường như ở tỷ dụ trên, Nguyễn-Thiện bắt chước đoạn « Buồn-trông » trong Đoạn-trường tân-thanh, mà đặt thêm đoạn « Kìa đâu » ấy ; ở tỷ-dụ dưới thì ta thấy tuồng như Nguyễn-Thiện lấy những lời, những điển, những câu trong Đoạn-trường tân-thanh mà đặt thêm.

Lại xem ở hồi *Hàn-uyển trùng phùng*, khi Lương-sinh dạo vườn gặp lại Giao-tiên, Nguyễn-Thiện thêm vào những lời than của Giao-tiên :

« *Ngán thay tráng bạc như tờ,*
*Bóng dâu chênh chếch đã vừa ngang vai.*
*Bờ sương đỗi tuyết bao nái,*
*Lấy ai ấm lạnh, lấy ai ngọt bùi ?*
*Tưởng người chén nguyệt thề bồi,*
*Phòng hương trộm tưởng đã người nào thôi.*
*Ba xuân những chốn làm vui,*
*Dương thanh liễu lục những ai đó chờ !* »

và những câu tả thái độ Lương-sinh khi thấy Giao-tiên :

« *Những là cách mặt khuất lời,*
*Bồng-sơn xem ngỡ mấy mươi mươi trùng.*
*Tường hoa quanh quất mấy vòng,*
*Dưới hoa nhường có nẻo thông cuối tường.*
*Hài văn lần bước bước sang.*
*Rấp ranh đã dựng tiếng vàng xa đưa.*
*Tưởng bây giờ là bao giờ,*
*Song song đôi mặt còn ngờ chiêm bao,*
*Bấy lâu gió khóa mưa rào,*
*Ngoài muôn nghìn dặm biết bao nhiêu tình.* »

Thực rõ là những lời Nguyễn-Du dùng để nói Thúy-Kiều và Kim-Trọng, mà Nguyễn-Du đặt những

lời như thế là dựa vào nguyên-văn của Thanh-tâm Tài-nhân, ta không có thể tưởng rằng Nguyễn-Thiện lại đặt những câu không giống gì với văn Hoa-tiên ký mà lại giống với văn Kim Vân Kiều truyện của Thanh-tâm Tài-nhân.

Lại xem những câu tiếp mạch Nguyễn-Thiện sửa lại hoặc thêm vào:

Từ hồi *Phu thê tham tế* sang hồi *Ngộ tỳ trần tình*, Nguyễn-Huy-Tự viết :

*Ông bà kẻ muốn người tham,*
*Tiểu-thư điềm yếm lầu nam biết gì.*

Nguyễn-Thiện sửa là :

*Duyên kia tơ đã trao tay,*
*Mà người khuê khổn những say vị gì.*

Từ hồi *Tiền nhà thác quyền* nói mối sầu của Giao-tiên, sang hồi *Phục vãng Tràng-châu* nói nông-nỗi của Lương-sinh, Nguyễn-Huy-Tự viết :

*Sinh từ náu dặm phần hương,*
*Sắt son thẩm bóng doành Tương từng ngày.*

Nguyễn-Thiện sửa lại là :

*Tình kiều tử, dạ quê hương,*
*Dù cay đắng cũng phận thường nghĩ sao ?*
*Sầu kia kể đã là bao,*
*Nỗi người lẻ bóng ra vào lại thương,*
*Từ khi nương náu phần hương*
*Giọi thu ba cữ sông Tương một giòng.*

Tiếp sang hồi *Văn-gia liên khốn* tả nỗi buồn của Giao-tiên nghe cha bị nạn, Nguyễn Huy-Tự viết :

*Nàng từ nương ngụ bấy nay,*
*Ai mày lần ngắm đóa mây dặm nghìn.*

Nguyễn-Thiện sửa là :

*Nỗi chàng kể đã chua cay,*
*Nỗi nàng nào biết đến rày những nao.*
*Một mình một ngọn đèn hao,*
*Đám mây bên ải chiêm bao cho liền.*

Tiếp sang hồi *Diêu sinh khuyên thi* lại nói lại tình cảnh Lương-sinh, Nguyễn-Huy-Tự viết :

*Chàng thời mài miệt song vân*
*Khắc quyên lần đã giong xuân sang hè.*

Nguyễn Thiện sửa là :

*Bể sầu càng vợi càng đầy,*
*Đã đường kia lại nỗi này mới ghê.*
*Đình ba từ giở ra về,*
*Tiếng quyên đã gọi bóng hè theo xuân.*

Xem mấy chỗ tiếp mạch ấy thì ta thấy Nguyễn-Huy-Tự không dụng tâm về đó lắm, mà Nguyễn-Thiện thì sửa lại để sự tiếp mạch được tự nhiên. Những câu của Nguyễn-Thiện đặt đó không những khéo mà lại tương-tự những câu tiếp mạch của Nguyễn-Du :

*Cho hay là thói hữu tình,*
*Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong.*
*Chàng Kim từ lại thư song...*

***

*Kể chi những nỗi dọc đường.*
*Buồng trong này nỗi chủ trương ở nhà.*

***

*Lần lần tháng trọn ngày qua,*
*Nỗi gần nào biết đương xa thế này !*
*Lâm-truy từ thuở uyên bay...*

***

*Nạn xưa trút sạch làu làu,*
*Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này !*
*Nỗi nàng tai nạn đã đầy,*
*Nỗi chàng Kim-Trọng bấy chầy mới thương !*

Nguyễn-Du rất sở trường về lối chuyển mạch như thế. Tôi không có thể tin rằng ông đã bắt chước Nguyễn-Thiện.

Ta lại xem câu :

*Công phu nghĩ đã nên bà...*
*ở hồi Qui-quán tương tư*

Nguyễn-Thiện sửa lại là :

*« Bày lâu đeo đẳng vì hoa,*
*Nào hiên Lãm-thúy ắt là đâu đây.»*

Xem câu Nguyễn-Thiện sửa, không những ta nhận thấy câu lục trên đã có vẻ Kiều, đến chữ « Lãm-thúy » ở câu bát dưới thì ta phải nhận là rõ ràng bắt chước văn Nguyễn-Du. Chữ « Lãm thúy » chỉ có ở Kim Vân Kiều truyện và Đoạn-trường tân thanh. Thanh-tâm Tài-nhân lấy chữ ấy đặt tên vườn để làm điềm lành cho Kim-Trọng được gặp Thúy-Kiều. Ở câu trên kia, Nguyễn-Thiện dùng chữ « hiên Lãm-thúy » tất là lấy điển trong hai sách ấy. Song tôi tưởng ông đã lấy điển ở Đoạn-trường tân-thanh chứ không phải lấy ở Kim Vân Kiều truyện, dẫu rằng sách này ông cũng có thể đã đọc rồi. Nhưng dẫu ông đã đọc nó rồi, nếu Nguyễn-Du chưa dịch nó ra quốc-âm thì có lẽ cái giá trị của bộ tiểu thuyết tầm thường ấy cũng chưa đủ khiến cho Nguyễn-Thiện mượn điển ở nó.

Vậy theo thiển kiến tôi thì Nguyễn-Thiện nhuận sắc Hoa-tiên ký sau khi đã được đọc Đoạn-trường tân-thanh rồi, cho nên trong bản Hoa-tiên thông hành, trừ những câu Nguyễn-Du bắt chước Nguyễn-Huy-Tự, còn có nhiều câu Nguyễn-Thiện bắt chước Nguyễn-Du. *(Hết)*

ĐÀO DUY ANH

*(Sẽ đem so sánh văn Đệ bát tử với Hoa-tiên ký của Nguyễn-H[illegible] Tự, so sánh văn Nguyễn-Huy-Tự [illegible] văn Nguyễn-Thiện ; so sánh [illegible] Nguyễn-Thiện với văn Nguyễn-[illegible]*

Nói chuyện tại hội Trí-Tri Hà-nội và Nam-định

# TÌNH TRẠNG NỀN HỌC XƯA VÀ CHÍ HƯỚNG NGƯỜI HỌC TRÒ XƯA

SỐ 4

Nhật-nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

Tính theo bây giờ thì đường đất từ làng ông ra đến Thang-long có 24 cây số mà ông ngày ngày đi bộ để cầu học thì biết cái lòng cố gắng của người hàn-sĩ mà có chí khi xưa ra sao. Cho nên sau nầy thành bậc danh-thần cũng ở chí đào-luyện từ lúc thiếu-thời.

Nhắc mấy chuyện trên đây, chắc các ngài cho là những việc từ mấy tram nam về trước, xa quá, cổ quá, không gì hơn tôi hầu các ngài mấy chuyện gần đây về triều Minh-mệnh và Tự-đức.

4·) Ông Nguyễn-Tốn (ông Nguyễn Tốn là Tằng-tổ bạn Tiên-Đàm Nguyễn tường-Phượng), người làng Nội-duệ-đông, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh là một nhà nho rất thanh-bạch. Lúc thiếu thời phải đi dạy học ở làng bên cạnh để lấy lương ăn học, nhưng lại gặp phải ông chủ nhà tính hà-tiện nên không có dầu đèn học tập, những đêm sang trang, ông mang sách ra sân, tối trời thì học bằng hương đen (hương rựa chám rẻ tiền) và khi nào có đom-đóm thì bắt bỏ vào vỏ chứng rọi vào sách mà học.

Học như thế mà đỗ Cử-nhân khoa Tân-mão (1831) đời Minh-mệnh, cùng bằng với nhà hàn-sĩ Cao-ba-Quát và làm quan Bố-Chính-sứ tỉnh Hà-nội đời Tự-đức thì chu kẻ sĩ thật đã nên

5·) Ông Đỗ-văn-Ái (sau đổi là Tâm), người làng Đại-gia, (phủ Thường-tín) đỗ Tiến-sĩ khoa Canh thìn (1880) đời Tự-đức làm quan đến Hiệp-biện đại-học-sĩ là 1 bậc văn-thần có đức-vọng gần đây, lúc thiếu-thời thật đã vất vả. Ông vốn nhà nghèo phải đến ở nhờ cô, trông nom mọi việc trong nhà lại còn phải cõng con cô đến trường học, nhưng 1 sự lạ là con cô là học trò thì không thuộc bài mà anh cõng đi học lại thuộc, ông thày lấy làm ngạc nhiên, nói chuyện với bà cô, bà thương tình cho theo học, nhưng phải làm hết việc phận-sự ban ngày, rồi đêm khuya đốt ngọn đèn bằng hạt đậu, ông đã học như vậy cho đến khi lên đại-tập và đến bước hiển vinh.

Những chuyện tôi vừa kể chỉ là một vài chuyện trong trăm nghìn chuyện các hàn-sĩ xưa đã dầy công học-tập mà làm nên sự-nghiệp danh-tiếng lẫy lừng. Tôi tiếc rằng không kể thêm được nữa, vì muốn nghe hết, không phải chỉ trong một vài giờ, có thể nói hết được.

Kể qua chuyện nhà, nay ta thử đưa mắt nhìn sang nước láng giềng, nước Trung-Hoa, một nước đã đem văn-hóa chuyền sang nước ta. Những gương nhẫn-nại trong học-giới Trung-Hoa cũng không phải là hiếm.

1·) Chuyện Chu-Mãi-Thần đời Hán không phải là câu chuyện mới lạ gì cho các ngài, song tiện đây, tôi cũng xin thuật lại, tưởng cũng không phải là vô-ích vậy.

Chu-Mãi-Thần tên tự là Ông-Tứ, người Cối-Kê, đời Hán, nhà nghèo, nhưng rất tram học, thường vừa đi bán củi, vừa đọc sách. Vợ thấy ông nghèo, xin bỏ. Ông bảo : Ta đến năm 50 tuổi thì làm nên, nay ta đã 49, mình chịu khổ đã lâu ngày, nên đợi ta làm nên để báo đáp lại. Vợ không nghe, bỏ đi lấy một người làm ruộng. Sau Mãi-Thần được tiến-cử lên vua Vũ-Đế, được bổ làm quan Thái-Thú ở đất Cối-Kê là chỗ quê ông. Khi đến quận, gặp người vợ cũ cùng với chồng sau, đương dọn đường. Ông bèn cho đưa vợ chồng người ấy về nơi phủ-lỵ cho ở một ngôi nhà riêng ở trong vườn và chu-cấp tử-tế. Được một tháng người vợ cũ xin tái-hợp với ông.— ông trả nhời : PHÚC THỦY NAN TU (nước đổ khó múc)

Người vợ cũ xấu hổ, thắt cổ tự sát.


**Giá báo**

| | |
|---|---|
| Mỗi số | 0$20 |
| 1 năm | 8 50 |
| 6 tháng | 4 50 |
| 3 tháng | 2 35 |

*Công sở giá gấp đôi*

Mua báo xin giả tiền trước

2·) Vương-Sung (1) tự là Trọng-nhậm, người đất Thượng-ngu, ở quận Cối-kê, sinh vào năm Kiến-võ thứ ba (27 sau Tây-lịch) đời vua Quang vũ, mất vào năm Vĩnh-nguyên thứ chín (97) đời vua Hòa-đế nhà Đông-hán, thọ được 70 tuổi. Ông thuở nhỏ học rất thông-minh. Vì nhà nghèo, thường đến các hàng bán sách ở đất kinh-đô Lạc-dương xem nhờ sách vở, hiểu rõ các học-thuyết.

Tính ông điềm-đạm không tham phú quý, làm chức duyện-công-tào, tức là làm lại, không gặp người cất nhắc, cứ giữ chức ti-hạ đến lúc già, mà không hề xu-nịnh ai để cầu lợi-lộc. Ông thường ngồi chỗ vắng vẻ, khảo luận sự thực hư, rồi làm ra sách Luận-hành 30 quyển và sách Luận-tính 16 thiên.

3·) Âu-dương-Tu nhà Tống thuở bé mồ-côi cha, nhà lại nghèo quá, bà mẹ dạy học, lấy cỏ địch (một thứ cỏ lau) vạch chữ xuống đất cho học (vì thế nay khen người mẹ hiền là hoạch-địch) sau Âu-dương-Tu trở nên một danh-nho đời Tống, làm bộ sử đời Ngũ-quý, phân-biệt rõ kẻ gian người ngay, đem hai chữ liêm-sỉ đề-xướng lên, dựng lại nền nho-hạnh của sĩ-phu.

4·) Hứa-Hành (2) tự là Trọng-Bình, người châu Hoài, thuộc tỉnh Hà-nam. Thuở nhỏ mới đi học, hỏi thày rằng: « Đọc sách để làm gì ? » — thày trả nhời : « Đọc sách để đi thi lấy đỗ » — « Đọc sách chỉ như thế mà thôi ư ? » Thày lấy làm lạ. Được ít lâu, thày bảo với cha mẹ rằng : « Đứa bé nầy dĩnh-ngộ khác thường, ngày sau chắc là hơn người, ta đây thật không đủ làm thày », nói rồi từ-tạ mà đi. Đến khi Hứa-Hành nhớn lên, ham học như đói muốn ăn, khát muốn uống. Ông sinh vào đời loạn mà nhà thì nghèo, không có sách để học, thường đến nhà ai có sách gì hay, xin ở lại mượn chép lấy đem về. Một hôm mùa nực, cùng dân chúng chạy loạn qua đất Hà-Dương. Đương lúc khát nước, thấy cạnh đường có cây lê nhiều quả, mọi người tranh nhau lấy lê ăn. Ông nghiễm-nhiên ngồi dưới gốc cây, không hề lấy một quả nào. Có người hỏi thì ông đáp rằng : « Không phải của mình mà lấy thì không nên » — « Đời loạn, cây ấy không có chủ » — Cây lê không có chủ chứ cái tâm của ta cũng không có chủ hay sao ? » Ông bình sinh lập tâm chế hạnh, đại để như vậy. Đến khi loạn đã bình, ông trở về đất Hoài, đọc sách của họ Trình, họ Chu, sự học ngày thêm nhiều điều sở-đắc. Sau lại di-cư sang đất Tô-môn, cầy ruộng lấy mà ăn, cùng với bạn Diêu-khu, Đậu-Mặc giảng-tập. Ông học rất rộng, không có khoa học nào là không am-hiểu. Ông khảng-khái lấy đạo làm chức-nhiệm của mình, thường nói với người ta rằng : « Cương thường trong thiên hạ không thể một ngày mà bỏ mất đi được. Nếu người ở trên không dùng nữa kẻ ở dưới phải dùng ».

Kịp khi Hốt-Tất-Liệt lên làm vua (tức là Thế-Tổ nhà Nguyên), rất trọng những người nho-học bèn vời Hứa-Hành vào làm quan tại Kinh, phong làm chức Quốc-tử-tế-tửu.

5·) Hứa-Khiêm (3) tự là Ích-Chi, người đất Kim-hoa, thuộc tỉnh Chiết-giang. Thủa bé mồ-côi cha Mẹ là Đào-Thị dạy khẩu-truyền cho sách Hiếu-kinh và sách luận-ngữ, dạy đến đâu nhớ đến đấy, không bao giờ quên nữa. Kịp nhớn lên, hiếu học khác người, tự mình lập lấy chương-trình mà học, dẫu có đau yếu cũng không bỏ.

Ông bình-sinh phẩm-hạnh tự lập rất nghiêm. Cai bản-chí rất thanh-đạm, lấy đạo làm vui, không để phú-quý làm lụy đến tâm, không vì công-danh mà giảm mất chí của mình. Ông vào ẩn trong núi Hoa-sơn, kẻ sĩ bốn phương không quản đường xa muôn dặm, đến xin thụ-giáo rất nhiều.

Ông ở thôn-dã dạy học hơn 40 năm. Các quan danh thần trong chiều và ngoài châu-quận dâng sớ đến mấy mươi lần, đỗ xin vời ông ra làm quan. Nhưng ông không chịu ra.

(*Còn nữa*)

Nhật-nham TRỊNH NHƯ TÂU

*(1) (2) (3) Theo nho giáo của Trần trọng Kim.*

## CÙNG CÁC BẠN DỰ CUỘC DỊCH THƠ

*Hiện nay ủy-ban châm thơ đang tiến-hành công-việc. Sang đầu tháng Avril sẽ tuyên bố kết quả trong một số tới*

*Xin các bạn nhớ đón coi.*

*T. T.*

**Đón coi số tới :**

*Ngôi mộ danh-tướng Đinh văn-Tả ở Hải-dương.*

của TIÊN-ĐÀM

*Phòng triển-lãm của Hội Việt-Nam Mỹ-nghệ.*

của NGUYỄN-VĂN-TỴ

*Buổi họp văn-chương và âm nhạc của A. G. E. I.*

PHẠM-MẠNH-PHAN th

*Nhơn đọc cuốn « Thi bình chú » của Ngô-tất-Tố*

TRỰC-THẦN

*Vấn đề học: Mùa thi*

NGUYỄN-NHÂN

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

# ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 11

NGUYỄN HUY TƯỞNG

QUỲNH Hoa như một người mất hồn, lắm lúc nàng như điên dại. Lại vừa lúc Quốc-mẫu về thăm quê ngoại tận Thanh-hóa. Tìm chúa thì không sao gặp được. Những cung tần thị-nữ chỉ biết ái ngại cho nàng, nhưng không thể giúp gì cho nàng cả. Nỗi đau khổ quá lớn, mà người nàng nhỏ bé, linh hồn yếu ớt. Nàng không thiết gì ăn uống, chỉ ngồi khóc lóc từng hồi, từng trận, khóc đến nỗi bọn thị nữ tưởng hết cơn này thì nàng sẽ chết. Họ xúm quanh nàng khuyên giải. Vì động lòng thương chủ, chúng cũng khóc như nàng. Cung quận chúa thành một phòng tang không người chết.

Đến khi người cơn khóc, quận chúa rên-rỉ :

— Trời ơi, sao lại có sự này ? Tôi làm gì nên tội ? Trời hỡi Trời ! Chết đi cho hết kiếp là hơn. Phụ vương ơi ! Sao phụ vương lại lạ lùng đến thế ? Lòng từ ái của phụ vương đề đâu ?

Rồi động mối thương tâm, Quỳnh Hoa lại ôm bụng khóc, mặt hoa rầu héo, người đã gầy càng thấy gầy thêm. Giọng nàng đã khản, nói không nên tiếng. Lâu lâu lả đi, nàng mê man không biết gì nữa

Khi Quỳnh Hoa tỉnh dậy, nàng ngạc nhiên biết bao, khi thấy Tĩnh vương ngồi bên giường, nét mặt như bị cày bừa vì đau khổ. Tĩnh vương tay đề trên trán nàng từ bao, mắt nhìn nàng không chớp. Nàng đưa mắt ngơ ngác xem chung quanh, rồi lại nhìn chúa. Chúa nhận thấy ẩn trong đôi mắt của con gái [illegible] biết bao nhiêu oan hận và van [illegible]

[illegible] gài tế hỏi :

— Con gái cha có làm sao không ? Quỳnh Hoa vẫn định tâm nếu gặp thì hỏi cho ra nhẽ, và hơn nữa, định vượt cả bổn phận làm con, mà nói cha cho bỗ giận. Nhưng trước mặt cha, bao nhiêu ý định của nàng đều tiêu tán đi. Nàng không dám, và cùng một lúc nàng thấy yêu cha rất mực và thương cha vô cùng.

Nghe cha hỏi, nàng thưa :

— Phụ vương vào con không biết, thực là thất-lễ.

— Con nghe trong mình có khỏe không ?

— Tâu phụ vương con khỏe.

— Cha nghe tin con khóc lóc, vội chạy lại Nhưng có việc chi mà con phải khóc ? Con gái cha mà lại hèn thế ư ?

— Khiến phụ vương phải vất vả vì con, con thực mang tội !

— Cha tha tội cho con. Nhưng cha thấy con có ý cưỡng mệnh, làm sôi nổi cả chốn cung vi, cha giận lắm. Con gái đâu lại cưỡng nhời cha ? Việc này, nhân dân biết, còn ra thể thống gì nữa !

Nàng cúi gằm mặt xuống, không nói một câu gì chúa ái ngại :

— Hay con không thuận lấy Đặng Lân, cha cũng không ép.

Đấy là ý thực của chúa, lúc ấy nếu Quỳnh Hoa có thái độ cương quyết, có lẽ chúa cũng chiều nàng.

Nhưng quận chúa lại tưởng là cha giận mà nói rồi. Nàng ngước mắt nhìn cha, nàng se se trong lòng. Nàng thấy cha nàng già lắm, già quá sức nàng tưởng tượng. Mới chưa đầy 40 tuổi, ngài đã có vẻ nhọc mệt của người 50. Nàng hồi tưởng lại mấy năm xưa, cha nàng vẫn còn cường tráng linh lợi, uy phong lẫm liệt, đường đường một vị chúa tể của muôn dân. Đem so sánh với bây giờ, thực là một trời, một vực. Trên mặt đã chạy những nét răn, mắt đã mất vẻ tinh anh sáng quắc, và ngôn ngữ cử chỉ, nhất nhất đều để lộ vẻ suy đồi. Trong thâm tâm, nàng oán ghét người đã tàn phá một cách nhanh chóng và sau xa cả tinh thần lẫn cơ thể người cha uy vĩ của nàng, vị chủ súy của ba quân, đấng phò vương của nước Việt.

Quỳnh-Hoa càng thấy thương hại cha. Nàng biết một nhời từ chối của nàng sẽ làm phiền cho chúa, và rút tuổi thọ của ngài đi. Nàng không nghĩ gì đến chính nàng nữa, nàng rưng rưng nước mắt. Ấp úng một hồi lâu, nàng se sẽ thưa :

— Con xin tùy ý phụ vương.

Chúa thở dài, vừa bằng lòng lại vừa hối hận. Ngài vừa thương con, lại vừa giận con đã quá phục tòng. Nén nỗi đau, chúa phán :

— Thế mới là con gái cha chứ.

Quỳnh Hoa muốn nói lại nhưng không tiện nữa. Chúa tiếp :

— Cha là chúa tể muôn dân, cha sẽ gây dựng cho Đặng Lân và tự khắc con sẽ được sung sướng.

Quận chúa đau sót đến con tim. Nàng nghĩ : « Phụ vương nhầm lắm. Có phải chỉ có thế mà con sung sướng đâu ? »

Chúa Tĩnh Đô cười một cách khó nhọc, muốn đem cái cười phá tan cảnh nặng nề và tỏ cho con gái thấy tất cả lòng thương yêu của chúa đối với nàng. Chúa làu lâu lại hỏi :

— Con cứ yên tâm, cha không bao giờ lại muốn cho con khổ, con chúa có khổ bao giờ ? Con không phải lớ ngại. Con muốn xin gì, cha cũng chiều ý. Con nói đi, con muốn xin gì ?

Quỳnh Hoa nghe cha hỏi, cực quá, không nói ra được, nàng oa ra khóc. Chúa Tĩnh Đô thân lấy khăn tay, chùi nước mắt cho con. Mắt ngài bỗng trỏ lên, ngài như nhận thấy hết cả tội ác của mình :

*Quỳnh-Hoa còn quá trẻ trung thơ dại, tay nàng mảnh-khảnh và xanh-xao. Nhưng cũng lúc ấy cái sắc đẹp mê hồn của Tuyên-phi như đứng trấn không cho ngài lùi nữa. Lòng ngài chia xẻ. Những khi việc nước khó khăn nhất ngài cũng chưa bao giờ phân vân như thế! Không biết từ bao giờ, ngài để nước mắt trào ra, mấy giọt rỏ xuống mặt Quỳnh-Hoa quận-chúa.*

*Thấy cha khóc, quận-chúa cố trấn tĩnh lại. Nàng nức nở thưa :*

*— Con bất hiếu làm phiền phụ-vương...*

*Chúa nói :*

*— Không... Sao con gầy thế ? phải uống thuốc mới được, con nhé*

*Chúa vẫn cầm tay con, chưa bao giờ hai người được gần nhau như thế. Quỳnh-Hoa càng thấy chua xót khi nghĩ rằng đó là buổi cuối cùng.*

*Chúa đã mấy lần định đưng đây mà không nỡ. Ngài lấy trong bọc ra một hòn ngọc mà ngài chưa rời ra bao giờ. Ngài đặt hòn ngọc vào tay quận chúa và nói :*

*— Đây là hòn Dạ-quang châu quý nhất trong các ngọc, giá không biết thế nào mà kể, cha cho con.*

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

---

## Tiệc cựu-sinh-viên trường Trung-học Bảo-hộ (khóa 1922-1926)

*Chuỗi ngày lặng lẽ trôi !*

*1926 !*

*Vừa ngày nào, anh em cựu sinh viên trường Trung-học Bảo-hộ (Khóa 1922-1926), rời ghế học đường, tản mát trên đường đời, tới nay đã 18 năm có lẻ !*

*18 năm qua ! Biết bao sự thế đổi thay !...*

*Muốn đánh dấu con đường đã đi, nhân gặp tiết xuân đầm ấm, với một quả tim tưng bừng rạo-rực theo dịp đàn xuân ngọt-ngào êm-dịu, anh em có tổ chức một bữa tiệc đoàn viên, để họp mặt các bạn đương vì cuộc mưu sinh rải rác tại bốn phương trời, để mặt nhìn mặt, tay cầm tay, cùng nhau ôn lại những ngày « đăng hỏa tân cần » cùng những bước đường hoan-lạc hay những giờ phút gian-lao của 18 năm trời chiến-đấu không ngừng.*

*Hồi 8 giờ tối thứ bảy 20 Mars 1943, dưới bóng trăng rằm của mùa xuân bữa tiệc đã bắt đầu trong một bầu không khí thân thiện và đượm vẻ nồng nàn. Tất cả có 50 vị, nhiều ông (như một ông Tuần phủ, mấy ông Phủ, Huyện, Bác-sĩ, Kỹ-sư, vân vân) ở các nơi xa cũng không ngại sự đi lại khó khăn hiện thời, đều có đủ mặt tại tiệc.*

*Trước khi ăn, ông Đinh bá Hoàn, tham tá tòa sứ Nam định, được cử đọc danh sách các bạn, để cùng nhau ôn lại thời kỳ đồng học, những kỷ niệm của mỗi người và để các bạn nhận diện để biết những sự đổi thay.*

*Kế đến ông Nguyễn huy Phan, tham tá Bưu điện, thay mặt anh em, nói mấy câu bằng Pháp văn, rất có ý-vị, rất có duyên, nên được cử tọa vỗ tay không ngớt.*

*Đến lượt đào Ái Liên đọc bài hát nói và mấy câu hãm của ông Nhật-Nham Trịnh như Tấu, tham tá phủ Thống sứ, bản chỉ biên tập viên. Bài hát nói ấy được anh em tán thưởng và chuyền tay nhau ghi chép. Ông Nguyễn hoàng Ngọc cũng tặng anh em mấy câu tập Kiều.*

*Trước khi nâng cốc, anh em không quên cảm tạ bốn bạn Nguyễn bá Chấn, tham tá phủ Thống-sứ, Lê vũ Thái, tham tá sở Hỏa xa, Nguyễn hoàng Ngọc và Nguyễn văn Thao, phán sự phủ Thống sứ, đã có mỹ ý và đã tốn công đứng tổ chức lên cuộc vui.*

*Khi ăn xong, ông Nguyễn sĩ Đạo tặng các bạn hai tác phẩm của ông xuất bản và ông Trần xuân Sinh, biên tập báo Volonté Indochinoise, đứng nói mấy câu chuyện vui.*

*Rồi cuộc vui suốt sáng, câu hát thâu đêm. Đến khi canh tàn, khắc vơi, mà giọng hát, tiếng cười còn văng vẳng trong cõi tịch mịch hư vô, trước khi anh em sắp sửa lên đường với một mối cảm tình lưu luyến.*

*Cho mãi đến lúc bình minh, anh em mới từ biệt nhau mà ra về, hẹn chóng tới ngày xuân năm sau, để lại cùng tuổi xuân tưng bừng nô nức.*

*Dưới đây là bài hát nói của bạn Nhật Nham Trịnh như Tấu :*

### Miễu

*Đề huề cạp sách túi thơ,*
*Hai mươi năm ấy bây giờ là đây !*
*Chén vui nhớ bữa hôm nay,*
*Mặn nồng nghĩa bạn, tình say cuộc đời ..*

### Nói

*Trường xưa bạn cũ,*
*Nhớ ngày nào gặp gỡ chốn danh đồ,*
*Gió Nùng sơn, giang giải mặt Tây-hồ,*
*Nơi sum họp, chỗ hẹn hò còn dấu tích .*
*Công danh tao tế tri kim nhật,*
*Đăng hỏa tân cần ức tích niên,*
*Đã cùng nhau một hội một thuyền*
*Đạo bằng hữu : kém hơn nào sá kể !*
*Đồng song cộng tháp tình do hệ,*
*Đơi lạp thừa xa nghĩa tự minh*
*Gặp nhau đây nhớ buổi ngày xanh*
*Nhớ những lúc : anh anh rồi bác bác.*
*Nhân được buổi xuân viên tự lạc,*
*Chuốc chén quỳnh thù tạc giữ tình xưa.*
*Hai mươi năm ấy bây giờ...*

### Hãm

*Nhà lan mở tiệc đoàn viên,*
*Cùng người một hội, một thuyền đâu xa,*
*Hữu tình ta lại gặp ta,*
*Tương tri nghĩa ấy, mới là tương tri.*

***

*Ai ơi ! Còn nhớ hay không ?*
*Túi thơ, cặp sách cùng chung mái trường,*
*Công danh hội ngộ khác đường,*
*Mà tình bạn hữu vẫn thường nhớ xa*

*N. N*

*RẺ! HAY! ĐẸP!*

đó là 3 cái đặc-điểm các sách của thư-xã

**Alexandre de Rhodes**

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

*Thư và mandat mua sách xin gửi về cho*
**Nhà in MAI-LINH — Hanoi**
Tổng phát-hành

*MỚI XUẤT BẢN*

**KIM-VÂN-KIỀU**

*Theo bản Pháp văn của ông* **Nguyễn-văn-Vĩnh** *330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4$00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2$00 (cước 0$54) Loại đặc biệt 7$00 (cước 0$60)*

**Lược-khảo Việt-Ngữ**

*Một bài khảo cứu có giá trị của ông* **Lê-văn-Hòa** *đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0$50 (cước 0$32). Loại đặc biệt 4$00 (cước 0$47)*

*ĐÃ XUẤT BẢN*

**Thơ Ngụ ngôn**

La Fontaine

*Pháp văn và bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1$00 (cước 0$40). Loại đặc biệt bán có 5$00 (cước 0$54)*

*ĐÃ CÓ BÁN :* **ĐÀO-DUY-ANH**

*

**TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG**

(Từ đời thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ). Giá bán: 3$00

**VĂN-HÓA**

29, Maréchal Pétain — Huế

**NGÔ TẤT TỐ**

**THI VĂN BÌNH CHÚ**

QUYỂN THỨ I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

*Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »*

**Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.**

NHÀ XUẤT BẢN **HÀN THUYÊN**

**Đã có bán**

**THANH NIÊN và THỰC NGHIỆP**

của LÊ-VĂN-SIÊU

*Mua cuốn sách để luận về các cách dùng mình, dùng người, dùng hoàn cảnh thời vận để được thành công trên đường thực-nghiệp. Dày 230 trang—* **Giá : 2$00.** *Mua một cuốn gửi thêm 0$40 cước đảm bảo, không gửi lãnh hóa giao ngân*

**Sắp phát hành**

**NHÂN LOẠI**

*tiến hóa sử*

của NGUYỄN BACH KHOA

*Khảo rất kỹ càng về cuộc tiến hóa của loài người từ thượng cổ đến hiện đại*

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi